CHUYÊN ĐỀ 1

TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

(10 tiết)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua tổng hợp quá trình dạy **các kĩ năng Đọc - Viết - Nói - Nghe**

- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu.
- Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học trung đại Việt Nam.
- Biết thuyết trình một vấn đề của văn học trung đại Việt Nam.

2. Phẩm chất

- Rèn luyện tư duy khoa học, biết vận dụng một số thao tác nghiên cứu cơ bản nhằm chiếm lĩnh tri thức.
- Biết liên kết nhiều nội dung tri thức, kỹ năng trong quá trình học tập để phát triển năng lực.
- Giải quyết được một vấn đề học tập mang tính phức hợp, đòi hỏi có sự kết nối với thực tiễn và tìm ra được các chiến lược, cách thức giải quyết vấn đề.
- Củng cố, mở rộng những kiến thức về văn học
- Hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân.

II. Thiết bị và học liệu

1. Về phía học sinh: HS nhận phiếu học tập từ GV, chuẩn bị nội dung thảo luận. Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.

2. Về phía giáo viên: GV chuẩn bị tài liệu tham khảo (sách báo, tạp chí,... có liên quan đến nội dung CĐ1); các bảng biểu, kế hoạch hướng dẫn cho HS; máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. Nội dung và thời lượng

- Tiết 1: Tri thức tổng quát
- Tiết 2,3,4: Phần 1. Tập nghiên cứu về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam
- Tiết 5,6,7,8,9,10: Phần 2. Viết báo cáo về một vẫn đề văn học trung đại Việt Nam

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát hình ảnh, thảo luận cặp đôi trả lời nhanh câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV trình chiếu 3 hình ảnh yêu cầu HS quan sát và trả lời nhanh câu hỏi:

Phiếu trả lời nhanh

 Hình 1 **Hình 2** **Hình 3**	
Câu 1. Nhận diện và gọi tên những hình ảnh trên	**Hình 1:** ? **Hình 2:** ? **Hình 3:** ?
Câu 2. Đọc câu thơ có liên quan đến hình 1 và 2	?
Câu 3. Tìm mối liên hệ giữa hai hình ảnh 1,2 với hình ảnh 3	- Giường kia: ? - Đàn kia: ?
Câu 4. Thành ngữ Hán Việt nào diễn tả đầy đủ ý 3 hình ảnh trên?	?
Hiện tượng trên là thủ pháp quen thuộc của thơ ca trung đại? Anh (chị) hãy gọi tên những thủ pháp đó.	?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS xem hình ảnh, thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi
- GV quan sát, gợi ý nếu cần.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

- GV gọi đại diện HS trả lời câu hỏi
- Các HS khác quan sát, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học

Dự kiến trả lời câu hỏi:

Phiếu trả lời nhanh

Câu 1. Nhận diện và gọi tên những hình ảnh:	**Hình 1:** Giường treo không được sử dụng **Hình 2:** Đàn bị bỏ không **Hình 3:** Hai người bạn tâm giao
Câu 2. Câu thơ có liên quan đến hình 1 và 2:	*Giường kia treo những hững hờ* *Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn* (Trích *Khóc Dương Khuê*, Nguyễn Khuyến)
Câu 3. Mối liên hệ giữa hai hình ảnh 1,2 với hình ảnh 3:	- Giường kia: mượn ý từ câu chuyện của Trần Phồn đời Hậu Hán. Trần Phồn có bạn là Tử Trĩ. Phồn quý bạn đến mức dành riêng cho bạn một chiếc giường, khi bạn đến chơi thì hạ xuống, lúc về thì lại treo giường lên. - Đàn kia: câu chuyện kể về tình bạn giữa Bá Nha và Chung Tử Kì. Bá Nha là người đàn giỏi, còn Chung Tử Kì chỉ cần nghe tiếng đàn của Bá Nha là hiểu được ý tưởng của người đánh đàn. Sau khi Tử Kì chết, Bá Nhá đã treo đàn không gảy nữa vì cho rằng không còn ai có thể hiểu được tiếng đàn của mình.
Câu 4. Thành ngữ Hán Việt diễn tả đầy đủ ý 3 hình ảnh trên:	Tri âm tri kỉ
Hiện tượng trên là thủ	Sử dụng ước lệ tượng trưng, dùng điển tích, điển cố

pháp quen thuộc của thơ ca trung đại. Những thủ pháp đó là:	=> Lời ít, ý nhiều

èGV dẫn vào bài

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu.
- Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học trung đại Việt Nam.
- Biết thuyết trình một vấn đề của văn học trung đại Việt Nam.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 2.1. TÌM HIỂU TRI THỨC TỔNG QUÁT

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về văn học trung đại Việt Nam

b. Nội dung hoạt động: HS vận dụng tổng hợp các kĩ năng kết hợp tham gia trò chơi để tìm hiểu về văn học trung đại Việt Nam

- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin
- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV tổ chức trò chơi "**Triệu phú tri thức"**
- GV lựa chọn MC để dẫn dắt chương trình, 1 thư kí ghi điểm

Bộ câu hỏi trò chơi "Triệu phú tri thức"

Câu 1. Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX (văn học trung đại) gồm những thành phần văn học nào?

A. Văn học chữ Hán.

B. Văn học chữ Nôm.

C. Văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm.

D. Văn học chữ quốc ngữ.

Câu 2. Cảm hứng nhân đạo được thể hiện ở

A. Cảm thông sâu sắc với những nỗi khổ của con người.

B. Đề cao những phẩm chất tốt đẹp của con người, niềm tin vào vẻ đẹp tâm hồn của những kiếp người nhỏ bé.

C. Tố cáo các thế lực trong xã hội đã chà đạp lên quyền sống của con người; cất tiếng nói bảo vệ và đòi quyền con người.

D. Tất cả đều đúng

Câu 3. Nhận định nào không đúng khi nói về tình hình lịch sử Việt Nam giai đoạn từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII?
A. Triều Lê được thiết lập sau chiến thắng giặc Minh.
B. Nhà Lê lấy nho giáo làm quốc giáo, tồn tại trên trăm năm (1427-1527).
C. Nội chiến đằng trong đằng ngoài.
D. Khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi, đặc biệt là phong trào Tây Sơn.
Câu 4. Nội dung chính của văn học Việt Nam giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV là?
A. Khẳng định và ca ngợi dân tộc, ca ngợi chế độ phong kiến.
B. Bước đầu quan tâm tới số phận con người.
C. Thể hiện rõ nét tinh thần nhân đạo sâu sắc, đòi quyền sống, quyền tự do.
D. Phê phán triều đình phong kiến, thể hiện tinh thần yêu nước, chống xâm lược.
Câu 5. Nội dung chính của văn học Việt Nam giai đoạn từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII là?
A. Khẳng định và ca ngợi dân tộc, ca ngợi chế độ phong kiến.
B. Bước đầu quan tâm tới số phận con người.
C. Thể hiện rõ nét tinh thần nhân đạo sâu sắc, đòi quyền sống, quyền tự do.
D. Phê phán triều đình phong kiến, thể hiện tinh thần yêu nước, chống xâm lược.
Câu 6. Nội dung chính của văn học Việt Nam giai đoạn từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX là?
A. Khẳng định và ca ngợi dân tộc, ca ngợi chế độ phong kiến.
B. Bước đầu quan tâm tới số phận con người.
C. Thể hiện rõ nét tinh thần nhân đạo sâu sắc, đòi quyền sống, quyền tự do.
D. Phê phán triều đình phong kiến, thể hiện tinh thần yêu nước, chống xâm
Câu 7. Nội dung chính của văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX là?
A. Khẳng định và ca ngợi dân tộc, ca ngợi chế độ phong kiến.
B. Bước đầu quan tâm tới số phận con người.
C. Thể hiện rõ nét tinh thần nhân đạo sâu sắc, đòi quyền sống, quyền tự do.
D. Phê phán triều đình phong kiến, thể hiện tinh thần yêu nước, chống xâm lược.
Câu 8. Chủ nghĩa yêu nước thể hiện rõ nét trong tác phẩm nào sau đây?
A. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* - Nguyễn Đình Chiểu.
B. *Cáo bệnh bảo mọi người* - Mãn Giác Thiền Sư.
C. *Cảnh ngày hè* - Nguyễn Trãi.
D. *Chuyện người con gái Nam Xương* - Nguyễn Dữ.
Câu 9. Trào lưu nhân đạo chủ nghĩa đòi quyền sống, hạnh phúc cá nhân và đấu tranh giải phóng con người, xuất hiện trong văn học Việt Nam giai đoạn nào?
A. Từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX.
B. Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII.
C. Từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XIV.
D. Từ nửa cuối thế kỉ XIX.

Câu 10. Những yếu tố nào tác động đến sự phát triển mạnh mẽ của văn học trung đại Việt Nam?
A. Truyền thống dân tộc
B. Tinh thần thời đại
C. Những ảnh hưởng từ nước ngoài, chủ yếu là của Trung Quốc
D. Tất cả đều đúng
Câu 11. Cảm hứng yêu nước trong văn học trung đại gắn liền với tư tưởng gì?
A. Tư tưởng nhân đạo
B. Tư tưởng thiên mệnh
C. Tư tưởng trung quân ái quốc
D. Tất cả đều đúng.
Câu 12. Cảm hứng thế sự bắt đầu xuất hiện trong văn học trung đại vào thời gian nào?
A. Đầu đời Lê (thế kỉ XV)
B. Thời Lê – Mạc
C. Cuối đời Trần (thế kỉ XIV)
D. Thời Trịnh – Nguyễn
Câu 13. Dòng nào dưới đây không phải là biểu hiện của tính trang nhã trong văn học trung đại?
A. Đề tài, chủ đề: hướng tới cái cao cả, trang trọng hơn là cái đời thường bình dị.
B. Hình tượng nghệ thuật: hướng tới vẻ tao nhã, mĩ lệ hơn là vẻ đẹp đơn sơ, mộc mạc.
C. Sử dụng những loại thuần túy của dân tộc.
D. Ngôn ngữ nghệ thuật là chất liệu ngôn ngữ cao quý, cách diễn đạt trau chuốt, hoa mĩ hơn là thông tục, tự nhiên gần với đời sống.
Câu 14. Dòng nào dưới đây không phải là biểu hiện của quá trình dân tộc hóa hình thức văn học?
A. Sử dụng thi liệu, điển cố Hán học.
B. Sáng tạo ra chữ Nôm trên cơ sở những thành tố chữ Hán, để ghi âm, biểu đạt nghĩa tiếng Việt và dùng chữ Nôm trong sáng tác.
C. Việt hóa thể thơ Đường luật.
D. Lấy đề tài, tài liệu trực tiếp từ Việt Nam, từ đời sống nhân dân, dân tộc làm thi liệu.
Câu 15. Thể loại mà văn học trung đại tiếp thu từ văn học Trung Quốc là?
A. Truyện thơ
B. Phú
C. Ngâm khúc
D. Hát nói
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:
- MC nghiên cứu bộ câu hỏi GV tư vấn chuẩn bị dẫn dắt chương trình

- HS đọc nhanh Tri thức tổng quát từ tr. 4 - tr.8 SGK kết hợp với việc chuẩn bị trước ở nhà, chuẩn bị tham gia trò chơi
- GV quan sát, động viên, khích lệ HS chuẩn bị tâm thế tham gia trò chơi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:
- MC dựa vào bộ câu hỏi GV tư vấn để dẫn dắt chương trình
- HS xung phong trả lời theo ý nghĩ cá nhân
- Thư kí quan sát tổng hợp điểm từng thành viên tham gia trò chơi.

Bước 4: Kết luận, nhận định:
Dựa trên bảng điểm thư kí, GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học

Hoạt động 2.2. PHẦN 1. TẬP NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

a. Mục tiêu:
- Nắm được quy trình nghiên cứu về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam
- Kết hợp được nội dung trong chương trình và nội dung mở rộng
- Sử dụng phương pháp nghiên cứu hợp lí

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam
- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm
- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HĐ của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
I. Xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch nghiên cứu **1. Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**: GV gợi ý các đề tài nghiên cứu trên cơ sở SGK GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài theo các câu hỏi sau: - Đề tài, vấn đề bạn lựa chọn có liên quan như thế	**I. Xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu và lập kế hoạch nghiên cứu** **1. Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu** *** Các đề tài được gợi ý theo các hướng sau:** - Nghiên cứu theo hướng giải mã phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại - Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một phương diện giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học trung đại - Nghiên cứu, lí giải cách hiểu về một hoặc một số chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, điển cố trong tác phẩm văn học trung đại - Nghiên cứu một khía cạnh nghệ thuật, một đặc điểm phong cách hoặc một vấn đề mang tính lí luận trong tác phẩm văn học trung đại

nào đến nội dung, yêu cầu học tập của chương trình? - Đề tài, vấn đề ấy đã có nhiều người nghiên cứu hay chưa? Bạn dự kiến cách triển khai và đóng góp của mình là gì? - Bạn có khả năng tìm kiếm tài liệu từ những nguồn nào để phục vụ cho đề tài, vấn đề nghiên cứu? - Các tác phẩm văn học trung đại có rất nhiều bản dịch, phiên âm khác nhau. Bạn có kinh nghiệm gì hoặc dự kiến xin tư vấn của ai để có thể lựa chọn được văn bản tốt nhất? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu lựa chọn đề tài phù hợp **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** GV trình chiếu một số đề tài được HS lựa chọn **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chuẩn KT **2. Xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Để xác định được mục tiêu, nội dung nghiên cứu cần trả lời những câu hỏi sau: - Thực hiện đề tài, vấn đề nghiên cứu này nhằm hướng tới điều gì? - Những công việc gì cần	- Nghiên cứu theo hướng so sánh văn học *** Minh họa bằng đề tài:** Tư tưởng và cảm hứng nhân nghĩa trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi. <u>(1) Vị trí của đề tài trong chương trình:</u> Việc thực hiện đề tài này giúp chúng ta hiểu sâu hơn, rõ hơn về tư tưởng nhân nghĩa trong các tác phẩm của Nguyễn Trãi nói riêng và văn học trung đại nói chung. <u>(2) Ý nghĩa của đề tài:</u> *Bình Ngô đại cáo* là một trong những áng văn chương tiêu biểu của nền văn học trung đại Việt Nam. Nó mang những giá trị lịch sử, văn hóa, tư tưởng sâu sắc, cũng bởi vậy mà đề tài "Tư tưởng và cảm hứng nhân nghĩa trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi" đã được rất nhiều người lựa chọn và khai thác. <u>(3) Dự kiến triển khai và đóng góp:</u> - Làm nổi bật được giá trị "tư tưởng nhân nghĩa" trong tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi. - Làm rõ các giá trị tư tưởng của người xưa về tư tương nhân nghĩa. - Ý nghĩa và giá trị về tinh thần mà vấn đề/ đề tài truyền tải. - Những ảnh hưởng của đề tài/ vấn đề đối với đời sống hiện tại. <u>(4) Nguồn tìm kiếm thông tin, tài liệu:</u> - Tham khảo các bài giảng, ý kiến của thầy cô. - Các bài viết phân tích trên mạng: Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong tác phẩm *Bình Ngô đại cáo*;... - Các bài viết về có cùng đề tài. - Tìm hiểu thông tin, kiến thức qua các sách phân tích về tác giả, tác phẩm. <u>(5) Dự kiến phương án lựa chọn bản dịch:</u> Tham khảo ý kiến của các giáo viên hướng dẫn. Bên cạnh đó tìm hiểu một số bản dịch của một số nhà văn, thơ nổi tiếng khác như bản dịch của Ngô Tất Tố, bản dịch của Bùi Kỷ trong *Lam Sơn thực lục*/Cuốn thứ ba.... **2. Xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu** **Mục tiêu, nội dung nghiên cứu đề tài "Tư tưởng và cảm hứng nhân nghĩa trong *Bình Ngô đại cáo*** *****

tiến hành để đạt được mục tiêu đã xác định? - Nội dung chính sẽ chia thành mấy luận điểm? - Các luận điểm ấy có liên quan với nhau thế nào? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ trả lời cá nhân nếu không tạo được nhóm, HS thảo luận theo nhóm nếu tạo được nhóm chung đề tài **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** - Đại diện HS trình bày mục tiêu, nội dung nghiên cứu đề tài mà mình đã lựa chọn - HS quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chuẩn KT **3. Xác định phương pháp nghiên cứu** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Để xác định được phương pháp nghiên cứu, cần trả lời những câu hỏi sau: - Cần thực hiện đề tài và giải quyết vấn đề nghiên cứu theo hướng nào? - Với đề tài, vấn đề đã xác định, việc sử dụng hệ thống số liệu, minh chứng... có cần thiết không? Làm thế nào để có được những số liệu, minh chứng,... ấy?	**của Nguyễn Trãi."** **a. Mục đích nghiên cứu:** Trong *Bình Ngô đại cáo*, tư tưởng nhân nghĩa được Nguyễn Trãi thể hiện một cách sâu sắc. Việc thực hiện đề tài, vấn đề nghiên cứu này nhằm hướng tới phân tích cụ thể giá trị tư tưởng nhân nghĩa trong tác phẩm và ảnh hưởng của nó đến ngày nay. **b. Những công việc cần tiến hành để đạt được mục tiêu đã xác định:** - Tìm hiểu về tác giả - Tìm hiểu về tác phẩm - Tìm hiểu về tư tưởng nhân nghĩa trong quan niệm Nho giáo, qua niệm của người xưa - Xác định giá trị tư tưởng: Ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực. **c. Nội dung chính sẽ chia thành các luận điểm lớn:** - Nguyễn Trãi, một đại thi hào của dân tộc. - Tư tưởng nhân nghĩa trong tác phẩm *Bình Ngô đại cáo*. - Phân tích tư tưởng nhân nghĩa theo quan điểm của Nho giáo và của Nguyễn Trãi. - Tư tưởng nhân nghĩa trong tác phẩm *Bình Ngô đại cáo*: Tư tưởng nhân nghĩa gắn với "yên dân" và "trừ bạo"; Tư tưởng nhân nghĩa được thể hiện ở việc khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc;... - Ảnh hưởng của tư tưởng nhân nghĩa trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi đến ngày nay. **d. Các luận điểm ấy có liên quan mật thiết đến nhau, chúng làm khái quát, rõ ràng vấn đề của đề tài.** **3. Xác định phương pháp nghiên cứu** **Phương pháp nghiên cứu cho đề tài "Tư tưởng và cảm hứng nhân nghĩa trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi."** *** Hướng thực hiện đề tài và giải quyết vấn đề nghiên cứu:** - Phương pháp nghiên cứu: + Phương pháp nghiên cứu tiểu sử tác giả + Phương pháp nghiên cứu văn học sử + Phương pháp phân tích tác phẩm văn học

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận cặp đôi về phương pháp nghiên cứu đối với đề tài mình đã lựa chọn **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** - Đại diện HS trình bày - HS quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chuẩn KT **4. Lập kế hoạch nghiên cứ** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS lập kế hoạch nghiên cứu **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS thảo luận chia sẻ cặp đôi **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận - Các HS khác chú ý quan sát, nhận xét qua bảng kế hoạch thực hiện báo cáo nghiên cứu SGK tr13,14 **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** HS tham khảo bảng kế hoạch thực hiện báo cáo nghiên cứu SGK tr13,14 **II. Thu thập, xử lí và tổng hợp thông tin** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**	+ Phương pháp so sánh - Thao tác nghiên cứu: + Thống kê + Phân loại *** Sự cần thiết và cách thức tìm kiếm hệ thống số liệu, minh chứng:** - Với đề tài, vấn đề đã xác định, việc sử dụng hệ thống số liệu, minh chứng... rất cần thiết. - Chúng ta có thể thu thập các số liệu, minh chứng,... qua việc tìm hiểu, phân tích các bài nghiên cứu khoa học, luận văn, các bài phân tích về tác phẩm... **4. Lập kế hoạch nghiên cứu** Để lập kế hoạch nghiên cứu chi tiết cho đề tài, vấn đề đã lựa chọn, cần lưu ý những điểm sau: - Kế hoạch cần cụ thể, chi tiết và khoa học vì nó sẽ góp phần quyết định chất lượng của bản báo cáo. - Điều chỉnh kế hoạch nghiên cứu khi có góp ý hợp lí. - Cần chú ý năng lực của từng thành viên trong việc phân công nhiệm vụ. Mọi thảo luận, góp ý phải thiết thực, dân chủ, chân thành và tôn trọng. **II. Thu thập, xử lí và tổng hợp thông tin** **1. Thu thập, tra cứu và phân loại thông tin** **a. Thu thập thông tin, tài liệu** **Một số loại từ điển và sách công cụ tra cứu về văn học trung đại:** - Hán Việt từ điển - Từ điển văn học; - Từ điển điển cố văn học; - Các tổng tập, hợp tuyển, tuyển tập,... văn học có liên quan đến nguồn ngữ liệu. **b. Tra cứu và phân loại thông tin, tài liệu nghiên cứu (SGK)** **2. Xử lí, tổng hợp thông tin** **a. Đọc, ghi chép, lựa chọn ngữ liệu** **b. Đọc, ghi chép các ý kiến có thể được sử dụng làm trích dẫn** **Mẫu phiếu ghi nội dung trích dẫn hoặc dẫn chứng dự kiến sử dụng:** (Số thứ tự hoặc kí hiệu phiếu: ghi kí hiệu theo nhu

GV hướng dẫn HS chia nhóm để thu thập xử lí và tổng hợp thông tin, tài liệu **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS có thể thực hiện nhiệm vụ dưới dạng câu lạc bộ yêu văn học trung đại **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** HS trình bày sản phẩm dưới dạng một buổi sinh hoạt của câu lạc bộ yêu văn học trung đại Thành phần tham dự gồm có: + MC + Các thành viên của CLB yêu văn học trung đại Các thành viên chia sẻ: + Một số loại từ điển và sách công cụ tra cứu về văn học trung đại + Cách tra cứu và phân loại thông tin, tài liệu nghiên cứu + Ngữ liệu được chọn lựa + Các ý kiến của các nhà nghiên cứu + Chia sẻ hồ sơ nghiên cứu của bản thân Các HS khác chú ý quan sát, nhận xét **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chuẩn KT **III. Hình thức trình bày đề cương báo cáo nghiên cứu**	cầu, mục đích sử dụng) - Phân loại: ghi thông tin phân loại trích dẫn, dẫn chứng theo yêu cầu của đề tài. - Dự kiến sử dụng: sử dụng cho nội dung nào, luận điểm nào của báo cáo nghiên cứu. - Mục đích của việc đưa trích dẫn. - Nội dung trích dẫn: sao nguyên văn nội dung ý kiến hoặc dẫn chứng dự định trích dẫn. - Nguồn trích dẫn: sử dụng kí hiệu để có sự tương ứng với danh mục tài liệu tham khảo, ghi rõ số trang của nội dung trích dẫn tại tài liệu được trích dẫn. **c. Lập hồ sơ nghiên cứu (SGK)** **III. Hình thức trình bày đề cương báo cáo nghiên cứu** **Gợi ý yêu cầu về hình thức đề cương báo cáo nghiên cứu của học sinh:** - Đánh máy trên khổ giấy A4. - Số trang: 4 - 6 (không tính trang bìa, mục lục, lời nói đầu, tài liệu tham khảo và phụ lục); font chữ: Times New Roman; cỡ chữ: 14; dãn dòng: 1,3 - 1,5 lines; lề trái: 3 cm; lề trên, lề dưới, lề phải: 2 cm. **Hình thức trình bày đề cương báo cáo nghiên cứu đề tài "Tư tưởng và cảm hứng nhân nghĩa trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi"** **1. Trình bày trang bìa** **2. Trình bày nội dung đề cương báo cáo nghiên cứu** **MỤC LỤC** • *Ghi các đề mục lớn kèm số trang* • *Danh sách các bảng biểu, sơ đồ, hình vẽ* • *Ghi các kí hiệu được sử dụng trong bài* • *Các kí hiệu viết tắt được sử dụng (nếu có)* **MỞ ĐẦU** **I. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI** **II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU** **III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU** **IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** **NỘI DUNG**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Theo anh (chị) đề cương báo cáo nghiên cứu cần có hình thức như thế nào? Hãy triển khai hình thức trình bày đề cương báo cáo nghiên cứu đề tài "Tư tưởng và cảm hứng nhân nghĩa trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi" **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thảo luận nhóm theo bàn, đọc nghiên cứu SGK tr.16,17 **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả - Các HS khác chú ý quan sát, nhận xét **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chuẩn KT	**I. NGUYỄN TRÃI, MỘT ĐẠI THI HÀO CỦA DÂN TỘC** **II. TƯ TƯỞNG NHÂN NGHĨA TRONG TÁC PHẨM BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO** **1. Tư tưởng nhân nghĩa theo quan điểm của Nho giáo và Nguyễn Trãi** ***1.1. Tư tưởng nhân nghĩa theo quan điểm của Nho giáo*** ***1.2. Tư tưởng nhân nghĩa theo quan điểm của Nguyễn Trãi*** **2. Tư tưởng nhân nghĩa trong tác phẩm Bình Ngô đại cáo** ***2.1. Tư tưởng nhân nghĩa gắn với "yên dân" và "trừ bạo"*** ***2.2. Tư tưởng nhân nghĩa được thể hiện ở việc khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc*** .... **III. ẢNH HƯỞNG CỦA TƯ TƯỞNG NHÂN NGHĨA TRONG BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO ĐẾN NGÀY NAY** **KẾT LUẬN** **TÀI LIỆU THAM KHẢO** **PHỤ LỤC**

Hoạt động 2.3. PHẦN 2. VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

a. Mục tiêu:

- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học, về tác giả và phong cách nghệ thuật của tác giả và đặc điểm thể loại ... để thực hiện vấn đề nghiên cứu của mình
- Huy động các tri thức, kĩ năng, phương pháp, trải nghiệm để viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam

b. Nội dung hoạt động:

- Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để để viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam
- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm
- GV hướng dẫn HS cách triển khai báo cáo và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bảng đề cương các dạng đề tài

Loại đề tài	Đề cương chung
Nghiên cứu theo hướng "giải mã", phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại	*Đặt vấn đề:…* *Giải quyết vấn đề:…* *Kết luận:…* *Tài liệu tham khảo:…*
Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một phương diện giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học trung đại	*Đặt vấn đề:…* *Giải quyết vấn đề:…* *Kết luận:…* *Tài liệu tham khảo:…*
Nghiên cứu theo hướng so sánh văn học	*Đặt vấn đề:…* *Giải quyết vấn đề:…* *Kết luận:…* *Tài liệu tham khảo:…*
Nghiên cứu một khía cạnh nghệ thuật, một đặc điểm phong cách hoặc một vấn đề mang tính lí luận trong tác phẩm văn học trung đại	*Đặt vấn đề:…* *Giải quyết vấn đề:…* *Kết luận:…* *Tài liệu tham khảo:…*
Nghiên cứu, lí giải cách hiểu về một hoặc một số chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, điển cố trong tác phẩm văn học trung đại	*Đặt vấn đề:…* *Giải quyết vấn đề:…* *Kết luận:…* *Tài liệu tham khảo:…*

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
I. Cách triển khai báo cáo *** Nghiên cứu bài viết tham khảo** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:** GV chia lớp thành 2 nhóm nghiên cứu bài viết tham khảo (đã được đọc trước ở nhà), tìm hiểu từng phần của bài viết theo đề cương chung được gợi ý trong SGK Tiếp đó mỗi thành viên của nhóm	**I. Cách triển khai báo cáo** *** Nghiên cứu bài viết tham khảo** - Bài thơ *Thuật hoài* của Trần Quang Khải – tác phẩm tiêu biểu cho hào khí Đại Việt thời Trần - "Chí nam nhi" trong bài thơ *Thuật hoài* của Phạm Ngũ Lão *** Cách triển khai báo cáo** **1. Chuẩn bị** Nhìn chung, trong mọi loại đề tài, phần chuẩn bị đều nhất thiết cần có những việc sau: - Kiểm tra lại, hệ thống hoá kết quả công việc

này thảo luận cặp đôi với thành viên nhóm còn lại trao đổi về sản phẩm đã thảo luận nhóm ở trên **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thảo luận, trao đổi theo nhóm, theo cặp đôi **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** - Đại diện HS trình bày kết quả **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá *** Cách triển khai báo cáo** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - HS nghiên cứu SGK tìm hiểu các bước triển khai báo cáo? - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Khi triển khai báo cáo, chúng ta cần thực hiện các bước nào? Yêu cầu với từng bước ra sao? - Riêng đối với phần **Tìm ý, lập đề cương**, GV yêu cầu HS/nhóm HS hoàn thành **Bảng đề cương các dạng đề tài** - HS lựa chọn đề tài loại nào sẽ thực hiện để thảo luận lập đề cương chung cho dạng đề tài đó **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS hoàn thiện phiếu học tập **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** - GV trình chiếu một số phiếu theo các thể loại khác nhau **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá	đã thực hiện ở bước thu thập, xử lí ngữ liệu. - Xác định, lựa chọn và sắp xếp các ý kiến trích dẫn theo từng nhóm vấn đề. **2. Tìm ý, lập đề cương** **Bảng đề cương các dạng đề tài** (bên dưới) **3. Viết** - Cần huy động và linh hoạt "điều tiết" vốn từ: + Ngôn từ không cầu kì, trau chuốt + Dùng chuẩn xác các khái niệm thuật ngữ + Các đại từ nhân xưng cần dùng mang tính chất trung tính - Cách diễn đạt đa dạng, cấu trúc câu linh hoạt nhưng đảm bảo rõ ràng mạch lạc - Đưa dẫn chứng phù hợp, xác thực không dài dòng - Phối hợp lời văn với sơ đồ, bảng biểu, hình minh họa, bảng thống kê,… - Trích dẫn ngữ liệu và ý kiến cần đảm bảo quy cách và thống nhất **Một số điều cần lưu ý khi viết:** - Một số loại đề tài (Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một phương diện giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học trung đại; nghiên cứu, lí giải cách hiểu về một hoặc một số chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, điển cố trong tác phẩm văn học trung đại; nghiên cứu một khía cạnh nghệ thuật, một đặc điểm phong cách hoặc một vấn đề mang tính lí luận trong tác phẩm văn học trung đại; nghiên cứu theo hướng so sánh văn học) có thể cho bạn nhiều cơ hội để thể hiện năng lực cảm thụ, so sánh, nhận định, đánh giá về nhiều phương diện. Tuy vậy, vẫn cần chú ý tính khách quan và xác thực. - Các tri thức lí luận, các khái niệm/ thuật ngữ,... sử dụng trong báo cáo cần có sự điều tiết phù hợp. Chú ý tính cân đối, hài hòa trong việc thể hiện các luận điểm. **4. Chỉnh sửa, hoàn thiện:** **- Về nội dung:** + Kiểm soát nội dung luận điểm, bổ sung và điều

	chỉnh hệ thống ý + Kiểm tra sự phù hợp của dẫn chứng, ý kiến trích dẫn, số liệu và các hình ảnh minh họa **- Về ngôn ngữ và hình thức trình bày:** + Rà soát các câu văn, đoạn văn để phát hiện các lỗi chính tả, ngữ pháp,… cần chỉnh sửa + Kiểm tra các cước chú, trích dẫn, tài liệu tham khảo, đảm bảo hình thức trình bày đúng quy cách + Chủ động nêu đề xuất và lưu ý các ý kiến góp ý của chuyên gia về văn phong, khái niệm/ thuật ngữ. + Đảm bảo tính logic của các luận điểm và bố cục ý.
II. Thuyết trình về kết quả báo cáo nghiên cứu *** Chuẩn bị** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - Yêu cầu: Lựa chọn đề tài và lập đề cương chu đáo **<u>Minh họa bằng đề tài: Tư tưởng và cảm hứng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi.</u>** **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS chuẩn bị đầy đủ các điều kiện **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** - Một số HS trình bày kết quả chuẩn bị của mình - HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thành nhiệm vụ **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, động viên tinh thần **GV lưu ý với HS:** - Không gian thuyết trình và các phương tiện, phương thức minh hoạ phù hợp - Nội dung thuyết trình phù hợp	**II. Thuyết trình về kết quả báo cáo nghiên cứu** **<u>Minh họa bằng đề tài: Tư tưởng và cảm hứng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi.</u>** *** Hệ thống luận điểm:** **- Luận điểm 1:** Quan niệm về tư tưởng nhân nghĩa **- Luận điểm 2:** Sự thể hiện của tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo *** Kiến thức bổ sung:** - Nhân nghĩa, trong quan điểm của Nguyễn Trãi, trước hết được gắn chặt với tư tưởng vì dân và an dân: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân", "dùng quân nhân nghĩa cứu dân khổ, đánh kẻ có tội", "đại đức hiếu sinh, thần vũ bất sát, đem quân nhân nghĩa đi đánh dẹp cốt để an dân" - Với Nguyễn Trãi, tư tưởng nhân nghĩa gắn kết biện chứng với tư tưởng thuận dân, an dân là một yêu cầu cao, một hoài bão lớn, một mục đích chiến lược cần phải đạt tới. Ngoài ra, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi còn biểu hiện ở lòng thương người, ở sự khoan dung độ lượng, thậm chí đối với cả kẻ thù. *** Đề cương:** *Đặt vấn đề:* - Giới thiệu tác giả Nguyễn Trãi và vị trí tác phẩm

với đối tượng tham dự. - Chuẩn bị nội dung cho hoạt động đối thoại, trao đổi, rút kinh nghiệm,.. *** Trình bày** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV phân công đại diện HS trình bày báo cáo theo lựa chọn loại đề tài - Cần chú ý nhấn mạnh những nội dung cốt lõi, những vấn đề mà bạn dự kiến sẽ mang lại sự hứng khởi cũng như có thể tạo ra sự tranh luận sôi nổi. - Tránh việc đơn thuần đọc lại văn bản hay các slide trình chiếu đã chuẩn bị. Hãy làm chủ bài nói của mình, thuyết phục người nghe bằng sự tự tin, hấp dẫn của kết quả nghiên cứu mà mình đã thực hiện. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân, hoặc cặp đôi kết hợp **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** - HS/đại diện nhóm HS báo cáo kết quả - GV chiếu một số dàn ý chi tiết - HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thành nhiệm vụ dựa theo **PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁ NHÂN (bên dưới)** **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, động viên, khuyến khích HS GV lưu ý với HS: “Giao tiếp" với người nghe ngay trong quá trình	Đại cáo bình Ngô trong nền văn học. - Khái quát về tư tưởng nhân nghĩa: Là tư tưởng quan trọng chủ đạo trong bài. Tư tưởng này mang tính nhân văn và có giá trị nhân đạo sâu sắc. *Giải quyết vấn đề:* **1. Quan niệm về tư tưởng nhân nghĩa** - Tư tưởng nhân nghĩa xuất phát từ quan niệm Nho giáo: là mối quan hệ giữa người với người dựa trên cơ sở của tình thương và đạo lí. - Tư tưởng nhân nghĩa trong quan niệm của Nguyễn Trãi: Chắt lọc những hạt nhân cơ bản nhất, tích cực nhất của của Nho giáo để đem đến một nội dung mới đó là: + Yên dân: Làm cho cuộc sống nhân dân yên ổn, no đủ, hạnh phúc. + Trừ bạo: Vì nhân mà dám đứng lên diệt trừ bạo tàn, giặc xâm lược. → Đó là tư tưởng rất tiến bộ, tích cực và phù hợp với tinh thần của thời đại **2. Sự thể hiện của tư tưởng nhân nghĩa trong Đại cáo bình Ngô.** ***2.1. Nhân nghĩa gắn với sự khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc.*** Đứng trên lập trường nhân nghĩa, Nguyễn Trãi đã khẳng định chủ quyền dân tộc bằng một loạt dẫn chứng đầy thuyết phục: - Nền văn hiến lâu đời - Lãnh thổ, bờ cõi được phân chia rõ ràng, cụ thể - Phong tục tập quán phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc - Có các triều đại lịch sử sánh ngang với các triều đại Trung Hoa. → Khẳng định độc lập dân tộc là chân lí, sự thật hiển nhiên mà không ai có thể chối cãi, thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc → Đây là tiền đề cơ sở của tư tưởng nhân nghĩa bởi chỉ khi ta xác lập được chủ quyền dân tộc thì mới có những lí lẽ để thực thi những hành

báo cáo là một nghệ thuật. Hãy tham vấn ý kiến thầy cô/ chuyên gia và tiếp tục tích luỹ thêm kinh nghiệm. *** Trao đổi** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV phân công đại diện HS nêu các câu hỏi có liên quan đến nội dung thuyết trình. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS trao đổi nhóm hoặc làm việc cá nhân đặt câu hỏi phản biện **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** - HS/đại diện nhóm HS trao đổi phản biện - HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thành nhiệm vụ **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, động viên, khuyến khích **GV lưu ý với HS:** - Thực hiện đối thoại rõ ràng, mạch lạc xoay quanh nội dung chính của vấn đề đang trao đổi. - Có thái độ tôn trọng những ý kiến phản biện; cùng thảo luận để tìm ra phương án thống nhất. *** Tiếp thu ý kiến, rút kinh nghiệm** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS lắng nghe, ghi chép các ý kiến trao đổi, rút kinh nghiệm cho bản thân **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS làm việc cá nhân **Bước 3. Báo cáo sản phẩm:** - HS ghi chép, rút kinh nghiệm - Một số HS trình bày kinh	động "nhân nghĩa". ***2.2. Nhân nghĩa thể hiện ở sự cảm thông, chia sẻ với nỗi thống khổ của người dân mất nước.*** Đứng trên lập trường nhân bản, tác giả liệt kê hàng loạt những tội ác dã man của giặc Minh với nhân dân ta: - Khủng bố, sát hại người dân vô tội: Nướng dân đen, vùi con đỏ,... - Bóc lột thuế khóa, vơ vét tài nguyên, sản vật: nặng thuế khóa, nơi nơi cạm đặt - Phá hoại môi trường, sự sống: tàn hại giống côn trùng, cây cỏ,... - Bóc lột sức lao động: Bị ép xuống biển mò ngọc, người bị đem vào núi đãi cát tìm vàng,.. - Phá hoại sản xuất: Tan tác cả nghề canh cửi,... → Nỗi căm phẫn, uất hận của nhân dân ta trước tội ác của giặc → Niềm cảm thông, xót xa, chia sẻ với nỗi thống khổ mà nhân dân ta phải chịu đựng ***2.3. Nhân nghĩa là nền tảng sức mạnh để chiến thắng kẻ thù.*** - Cuộc chiến của ta ban đầu gặp vô vàn khó khăn: Lương hết mấy tuần, quân không một đội - Nhưng nghĩa quân biết dựa vào sức dân, được nhân dân đồng tình, ủng hộ đã phản công giành được thắng lợi to lớn: + Những thắng lợi ban đầu đã tạo thanh thế cho nghĩa quân, trở thành nỗi khiếp đảm của kẻ thù + Nghĩa quân liên tiếp giành thắng lợi tiêu diệt giặc ở các thành chúng chiếm đóng, tiêu diệt cả viện binh của giặc. → Tư tưởng nhân nghĩa với những hành động nhân nghĩa đã khiến quân và dân có sự đoàn kết, đồng lòng tạo thành sức mạnh to lớn tiêu diệt kẻ thù bởi tất cả mọi người đều cùng chung một mục đích chiến đấu ***2.4. Nhân nghĩa thể hiện ở tinh thần chuộng hòa bình, tinh thần nhân đạo của dân tộc.*** - Sau khi tiêu diệt viện binh, quân ta đã thực thi chính sách nhân nghĩa

nghiệm của bản thân sau khi tham gia buổi thuyết trình **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, động viên, khuyến khích **GV lưu ý với HS:** - Lắng nghe, ghi chép các ý kiến trao đổi, dù đó có thể là ý kiến khác với điều mình mong muốn. Cần có tinh thần tiếp nhận ý kiến của người khác một cách cầu thị. - Việc tiếp thu, rút kinh nghiệm có thể diễn ra tức thì tại diễn đàn/ hội thảo,... nhưng cũng có thể diễn ra sau đó.	+ Không đuổi cùng giết tận, mở đường hiếu sinh. + Cấp thuyền, phát ngựa cho họ trở về. - Để quân ta nghỉ ngơi, dưỡng sức → Đây là cách ứng xử vừa nhân đạo, vừa khôn khéo của nghĩa quân Lam Sơn, khẳng định tính chất chính nghĩa cuộc chiến của ta, thể hiện truyền thống nhân đạo, nhân văn, chuộng hòa bình của dân tộc Đại Việt → Thể hiện tầm nhìn xa trông rộng để duy trì quan hệ ngoại giao sau chiến tranh của dân tộc ta với Trung Quốc. *Kết luận:* - Khái quát, đánh giá lại vấn đề - Liên hệ tư tưởng nhân nghĩa trong thời đại nay: vẫn còn được ngợi ca và là truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Tuy nhiên ứng với mỗi hoàn cảnh cụ thể nó lại mang những ý nghĩa giá trị khác.

Bảng đề cương các dạng đề tài

Loại đề tài	Đề cương chung
Nghiên cứu theo hướng "giải mã", phân tích giá trị của một tác phẩm hoặc đoạn trích văn học trung đại	*Đặt vấn đề:* - Giới thiệu về tác giả: họ tên, năm sinh năm mất, tên chữ/ tên hiệu..., quê quán, dòng tộc, thời đại; cuộc đời và sự nghiệp,... - Giới thiệu khái quát về tác phẩm (đoạn trích); giới thiệu qua hoặc nhấn mạnh điểm đáng lưu ý về văn bản gốc và các bản phiên âm, dịch chú (nếu có),... *Giải quyết vấn đề:* - Những giới thiệu, tìm hiểu, nghiên cứu về tác phẩm đã có. - Điểm đáng chú ý về thể loại, ngôn ngữ, cấu trúc,...của tác phẩm. - Đề tài, chủ đề, cảm hứng của tác phẩm. - Phân tích, đánh giá những khía cạnh/ phương diện/ vấn đề nội dung nổi bật được thể hiện trong tác phẩm. - Mối liên hệ giữa nội dung, tư tưởng của tác phẩm với lịch sử, thời đại, xã hội. - Mối liên hệ về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật giữa tác phẩm đang tìm hiểu với tác phẩm khác (của cùng hay khác tác giả,...).

	- Hệ thống hình ảnh, hình tượng, từ ngữ và thủ pháp nghệ thuật nổi bật. *Kết luận:* - Khẳng định giá trị đặc sắc của tác phẩm hay đoạn trích. - Đề xuất những hướng nghiên cứu tiếp theo. *Tài liệu tham khảo:* Nêu danh mục các tài liệu được tham khảo, trích dẫn trong bài viết
Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một phương diện giá trị nội dung tư tưởng trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học trung đại	*Đặt vấn đề:* Giới thiệu được hình tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng nổi bật ở tác phẩm nào, của ai? *Giải quyết vấn đề:* - Hình tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng ấy có vị trí, ý nghĩa như thế nào trong việc tìm hiểu giá trị của tác phẩm? - Tài liệu nào, của ai đã đề cập, tìm hiểu, nghiên cứu về đề tài, vấn đề bạn đang chọn? - Hình tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng ấy có liên quan gì đến đề tài, chủ đề, cảm hứng của tác phẩm? - Hình tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm? - Nghệ thuật xây dựng hình tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng ấy có những đặc điểm nào đáng chú ý, cần đi sâu phân tích? - Có thể tìm thấy mối liên hệ giữa hình tượng hoặc khía cạnh ấy với các yếu tố lịch sử, văn hóa, xã hội hay không? - Mối liên hệ hình tượng hoặc khía cạnh ấy giữa tác phẩm đang tìm hiểu với tác phẩm khác (của cùng hay khác tác giả)... như thế nào? *Kết luận:* - Khẳng định giá trị đặc sắc của hình tượng hoặc khía cạnh nội dung tư tưởng nổi bật trong tác phẩm hay đoạn trích. - Đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo *Tài liệu tham khảo:* Nêu danh mục các tài liệu được tham khảo, trích dẫn trong bài viết
Nghiên cứu theo hướng so sánh văn học	*Đặt vấn đề:* Giới thiệu được vấn đề so sánh là gì, ở tác phẩm nào, của ai? *Giải quyết vấn đề:* **Cách 1:** 1. Làm rõ đối tượng thứ nhất 2. Làm rõ đối tượng thứ hai 3. So sánh: nét tương đồng và khác biệt giữa hai đối tượng trên cả hai bình diện nội dung và hình thức nghệ thuật 4. Lý giải sự khác biệt: thực hiện thao tác này cần dựa vào các bình

	diện: bối cảnh xã hội, văn hóa mà từng đối tượng tồn tại; phong cách nhà văn; đặc trưng thi pháp của thời kì văn học… **Cách 2:** 1. So sánh nét tương đồng và khác biệt giữa hai đối tượng trên bình diện thứ nhất 2. So sánh nét tương đồng và khác biệt giữa hai đối tượng trên bình diện thứ hai 3. Lý giải sự khác biệt: thực hiện thao tác này cần dựa vào các bình diện: bối cảnh xã hội, văn hóa mà từng đối tượng tồn tại; phong cách nhà văn; đặc trưng thi pháp của thời kì văn học… *Kết luận:* - Khái quát những nét giống nhau và khác nhau tiêu biểu - Có thể nêu những cảm nghĩ của bản thân. *Tài liệu tham khảo:* Nêu danh mục các tài liệu được tham khảo, trích dẫn trong bài viết
Nghiên cứu một khía cạnh nghệ thuật, một đặc điểm phong cách hoặc một vấn đề mang tính lí luận trong tác phẩm văn học trung đại	*Đặt vấn đề:* Giới thiệu được khía cạnh nghệ thuật/đặc điểm phong cách/vấn đề mang tính lí luận là gì, ở tác phẩm nào, của ai? *Giải quyết vấn đề:* - Giải thích các thuật ngữ lí luận (hoặc làm rõ một khía cạnh nghệ thuật, hoặc làm rõ một đặc điểm phong cách cần nghiên cứu) - Chốt vấn đề nghị luận: Như vậy, vấn đề cần bàn ở đây là gì? - Sử dụng các kiến thức lí luận văn học để lí giải vấn đề nghị luận. - Trả lời cho câu hỏi "vì sao?" - Chọn chi tiết trong tác phẩm/một số tác phẩm để làm rõ các biểu hiện của vấn đề nghị luận. - Đánh giá tính đúng đắn/giá trị đặc sắc/sự đóng góp của vấn đề lí luận/một khía cạnh nghệ thuật/một đặc điểm phong cách. - Bổ sung, phản biện lại vấn đề - Rút ra bài học cho nhà văn trong quá trình vận dụng sáng tác và bạn đọc trong quá trình tiếp nhận. *Kết luận:* - Khẳng định giá trị đặc sắc vấn đề lí luận/một khía cạnh nghệ thuật/một đặc điểm phong cách *Tài liệu tham khảo:* Nêu danh mục các tài liệu được tham khảo, trích dẫn trong bài viết
Nghiên cứu, lí giải cách hiểu về một	*Đặt vấn đề:* Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu: một/ một số chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, điển cố trong tác phẩm văn học trung đại (ở tác phẩm nào, của ai?)

hoặc một số chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, điển cố trong tác phẩm văn học trung đại	*Giải quyết vấn đề:* - Giới thiệu sơ lược về tác giả: tên tuổi, bút danh, vị trí trong nền văn học, chủ đề sáng tác, phong cách sáng tác, những đóng góp của tác giả đối với phong trào văn học, giai đoạn văn học và nền văn học dân tộc - Giới thiệu tổng quát về bài thơ: hoàn cảnh xuất xứ, đại ý, nội dung chính của đoạn thơ/bài thơ (Xem xét sự ảnh hưởng của những điều trên với cách tác giả sử dụng chi tiết, hình ảnh, từ ngữ, điển cố) - Khái quát về vị trí trích đoạn hoặc bố cục, mạch cảm xúc chủ đạo của khổ thơ, bài thơ. - Phân tích từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, điển cố trong tác phẩm: trích dẫn rồi lần lượt phân tích những từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, điển cố, v.v…. trong từng câu thơ, giải mã đúng từ ngữ, hình ảnh đó để giúp người đọc cảm thấy được những cái hay, cái đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ. **Lưu ý:** Khi phân tích cần phải dựa vào từ ngữ có trong bài thơ, hoàn cảnh ra đời, phong cách sáng tác của tác giả để tránh suy diễn miên man, không chính xác, cụ thể: Liên hệ, so sánh với hệ thống từ ngữ, hình ảnh, chi tiết**,** điển cố ở những tác phẩm khác. - Nhận xét đánh giá: + Hệ thống từ ngữ, hình ảnh, chi tiết đã đem lại thành công cho tác phẩm về nội dung và nghệ thuật như thế nào? + Hệ thống từ ngữ, hình ảnh, chi tiết đã thể hiện phong cách tác giả ra sao, đem lại đóng góp gì cho nền văn học? *Kết luận:* Khẳng định lại ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề trên *Tài liệu tham khảo:* Nêu danh mục các tài liệu được tham khảo, trích dẫn trong bài viết

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁ NHÂN

STT	**Nội dung đánh giá**		**Mức độ**	
			Đạt	**Chưa đạt**
1	Giới thiệu được đề tài đã chọn			
3	Nội dung trình bày	Thuyết trình đúng hướng		
4		Trình bày đúng, đủ, sâu sắc các luận điểm		
		Mở rộng, đánh giá nâng cao vấn đề		
5	Cách trình bày	Phong thái tự tin, chủ động, sử dụng ngôn ngữ nói phù hợp		
6		Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, phương tiện hỗ trợ		

7		Tương tác với người nghe		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

Gợi ý về công việc các nhóm cần thực hiện, cụ thể như sau:

1. Nhóm sưu tầm (Tìm kiếm những tác phẩm văn học trung đại đặc sắc)
2. Nhóm khám phá (Đưa ra những phát hiện mới về một ý thơ cũ)
3. Nhóm chuyên sâu (Đi sâu tìm hiểu về một vấn đề văn học trung đại)
4. Nhóm dịch thuật (Dịch lại những tác phẩm văn học trung đại)

CHUYÊN ĐỀ 2:
TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI
(15 tiết)

TiếT 1- 5

PHẦN 1: BẢN CHẤT XÃ HỘI- VĂN HÓA CỦA NGÔN NGỮ

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua tổng hợp quá trình dạy **các kĩ năng Đọc - Viết - Nói - Nghe**

- Hiểu được ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và là một bộ phận cấu thành của văn hóa.
- Nhận biết và đánh giá được các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.
- Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ, yêu nước (Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt).

II. Thiết bị và học liệu

1. Về phía học sinh: CĐHT Ngữ văn lớp 11 – SGK, hồ sơ tài liệu, tranh ảnh, bảng biểu, video clip liên quan đến bài học,…

2. Về phía giáo viên:

- Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung cho bài học.
- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.
- Tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí,…) liên quan đến CĐ 2, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi trả lời nhanh câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:	**Câu trả lời của học sinh**

- GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi: **Đoán ý ngôn ngữ giới trẻ**
- HS xếp hàng theo tổ (1,2,3,4,…), lần lượt tham gia chơi theo thứ tự từ trên xuống theo chỉ định của GV
- GV chiếu các từ ngữ cần đoán ý hiện lên trên màn hình đến khi có người chơi đoán đúng ý:

Một số từ ngữ	**Đoán ý**
Kiwi kiwi	
Mắc cỡ quá hai ơi	
Mãi keo	
Lịch sử đi	
Địa lí quá	
Văn học lên	
Bò viên quá	
Kem	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:
- HS xếp hàng theo tổ, lần lượt tham gia trò chơi
- GV quan sát, gợi ý

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:
- HS đoán ý các từ ngữ được đưa ra

Bước 3. Đánh giá, kết luận:
- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài

Một số từ ngữ	**Đoán ý**
Kiwi kiwi	ngon quá
Mắc cỡ quá hai ơi	quê
Mãi keo	mãi mãi bên nhau
Lịch sử đi	lịch sự đi
Địa lí quá	đạo lí quá
Văn học lên	văn hóa lên
Bò viên quá	mập quá
Kem	tươi xinh

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG 2.1. Tìm hiểu bản chất xã hội của ngôn ngữ

a. **Mục tiêu**: Hiểu bản chất xã hội của ngôn ngữ

b. Nội dung:
- HS hoạt động cá nhân đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm
- GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

GV chia lớp thành 3 nhóm, chọn thư ký hỗ trợ ghi điểm của các nhóm; hướng dẫn HS thực hiện trò chơi **"Em yêu Tiếng Việt" qua 3 vòng:**

Vòng 1: Chọn đáp án

Vòng 2: Sắp xếp từ theo trật tự

Vòng 3: Trả lời câu hỏi

Hoạt động của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
I. Tìm hiểu tri thức	**I. Tìm hiểu tri thức**

1. Bản chất xã hội của ngôn ngữ **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV hướng dẫn HS nghiên cứu SGK và thực hiện trò chơi **"Em yêu Tiếng Việt":** **Vòng 1: Chọn đáp án** **Câu 1.** Ý nghĩa của ngôn ngữ với các thành viên trong một cộng đồng A. Ngôn ngữ là phương tiện thể hiện cảm xúc quan trọng nhất giữa các thành viên trong một cộng đồng *B. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất giữa các thành viên trong một cộng đồng* C. Ngôn ngữ là phương tiện khám phá cuộc sống quan trọng nhất giữa các thành viên trong một cộng đồng D. Ngôn ngữ là phương tiện lao động quan trọng nhất của các thành viên trong một cộng đồng **Câu 2.** Khả năng sử dụng ngôn ngữ được xem là *A. đặc điểm có tính "bẩm sinh" của con người.* B. đặc điểm có tính phát triển của con người. C. đặc điểm có tính ổn định của con người. D. đặc điểm có tính di truyền của con người. **Câu 3.** Mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và xã hội A. Ngôn ngữ và xã hội có mối quan hệ nhân quả: Xã hội tạo nên ngôn ngữ B. Ngôn ngữ và xã hội là hai mặt đối lập nhưng thống nhất của lịch sử C. Ngôn ngữ và xã hội là những sản phẩm thể hiện văn minh của loài người, chúng tồn tại độc lập cùng nhau *D. Ngôn ngữ và xã hội là điều kiện tồn tại của nhau: Nếu không có ngôn ngữ thì không có xã hội, ngược lại, nếu không*	**1. Bản chất xã hội của ngôn ngữ** **a. Mối quan hệ tác động qua lại giữa ngôn ngữ và xã hội** - Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất giữa các thành viên trong một cộng đồng. - Ngôn ngữ và xã hội là điều kiện tồn tại của nhau. Nếu không có ngôn ngữ thì không có xã hội, ngược lại, nếu không có xã hội thì ngôn ngữ cũng không thể tồn tại. **b. Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người.** - Khả năng sử dụng ngôn ngữ là đặc điểm có tính "bẩm sinh" của con người. + Từ "bẩm sinh" không được dùng theo cách hiểu thông thường. + Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người chỉ được thể hiện trong môi trường xã hội. -> Ngôn ngữ khác về cơ bản với những hiện tượng có tính chất bản năng ở con người.

có xã hội thì ngôn ngữ cũng không thể tồn tại **Câu 4.** Tại sao đặc điểm bẩm sinh của ngôn ngữ không được hiểu theo nghĩa thông thường A. *Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người chỉ được thể hiện trong môi trường xã hội.* B. Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người chỉ được thể hiện trong môi trường tự nhiên C. Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người chỉ được thể hiện trong môi trường học tập D. Khả năng sử dụng ngôn ngữ của con người chỉ được thể hiện trong môi trường kinh tế **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS quan sát, suy nghĩ, thảo luận nhóm nhanh tìm câu trả lời - GV quan sát, hỗ trợ nhóm HS gặp khó khăn (nếu cần thiết) **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm HS bấm chuông nhanh nhất thì được quyền trả lời, mỗi lượt trả lời đúng 10 điểm; các em khác nhận xét, bổ sung **Bước 3. Đánh giá, kết luận:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức - Thư ký tổng hợp điểm vòng 1	

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa

a. Mục tiêu: HS nắm được vai trò của ngôn ngữ với văn hóa; ảnh hưởng của văn hóa với ngôn ngữ và sự đa dạng của ngôn ngữ, văn hóa

b. Nội dung hoạt động:

- HS hoạt động cá nhân đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm
- GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
2. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ với văn hóa **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV hướng dẫn HS nghiên cứu SGK và thực hiện trò	**2. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ với văn hóa** **a. Vai trò của ngôn ngữ**

chơi **"Em yêu Tiếng Việt":** **Vòng 2: Sắp xếp từ theo trật tự** - HS sắp xếp các từ đã cho theo thứ tự hợp lí nhất để điền đúng vào các chỗ trống - Hệ thống từ ngữ cần sắp xếp và các vị trí cần điền: **a)Từ ngữ cần sắp xếp:** đời sống tinh thần; văn hóa; ngôn ngữ của dân tộc đó. **Đoạn văn 1:** Ngôn ngữ là một phần thiết yếu trong ... (1) phong phú của mỗi cộng đồng người, tức một phần không thể thiếu của ... (2). Khó có thể hiểu đầy đủ về văn hóa của một dân tộc nếu không tìm hiểu về ... (3) của dân tộc đó. **b)Từ ngữ cần sắp xếp:** biểu đạt và lưu giữ; văn học, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng; ngôn ngữ **Đoạn văn 2:** Ngôn ngữ là phương tiện cơ bản, phổ biến để ... (4) các giá trị về ... (5),… Thông qua ... (6), có thể hiểu về các bộ phận cấu thành khác của văn hóa. **c) Từ ngữ cần sắp xếp:** từ ngữ; từ ngữ xưng hô **Đoạn văn 3:** Dấu ấn của văn hóa Việt trong tiếng Việt thể hiện qua các ... (7) chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm trong đời sống hoặc qua từ ngữ ... (8) **d) Từ ngữ cần sắp xếp:** ngôn ngữ và văn hóa; ngôn ngữ nhân loại; văn hóa **Đoạn văn 4:** Do mối quan hệ khăng khít giữa ... (9) nên sự đa dạng của ... (10) là những biểu hiện của sự đa dạng về ... (11) trên thế giới. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ theo nhóm - GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần) **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm HS bấm chuông nhanh nhất thì được quyền trả lời, mỗi lượt trả lời đúng 10 điểm; các em khác nhận xét, bổ sung **Bước 4. Đánh giá, kết luận:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức - Thư ký tổng hợp điểm vòng 2	**đối với văn hóa** - Ngôn ngữ là một phần thiết yếu trong **đời sống tinh thần** phong phú của mỗi cộng đồng người, tức một phần không thể thiếu của **văn hóa**. Khó có thể hiểu đầy đủ về văn hóa của một dân tộc nếu không tìm hiểu về **ngôn ngữ của dân tộc đó**. - Ngôn ngữ là phương tiện cơ bản, phổ biến để **biểu đạt và lưu giữ** các giá trị về **văn học**, **nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng**,… Thông qua **ngôn ngữ**, có thể hiểu về các bộ phận cấu thành khác của văn hóa. **b. Ảnh hưởng của văn hóa đối với ngôn ngữ** Dấu ấn của văn hóa Việt trong tiếng Việt thể hiện qua các **từ ngữ** chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm trong đời sống hoặc qua **từ ngữ xưng hô.** **c. Sự đa dạng của ngôn ngữ và sự đa dạng của văn hóa** Do mối quan hệ khăng khít giữa **ngôn ngữ và văn hóa** nên sự đa dạng của **ngôn ngữ nhân loại** là những biểu hiện của sự đa dạng về **văn hóa** trên thế giới.

Hoạt động 2.3. Đọc văn bản tham khảo

a. Mục tiêu: HS nắm được tri thức về ngôn ngữ qua việc nghiên cứu văn bản tham khảo SGK

b. Nội dung hoạt động:
- HS hoạt động cá nhân đọc và thu thập thông tin (ở nhà) kết hợp thảo luận nhóm (tại lớp)
- GV hướng dẫn HS đọc nhanh tại lớp và trả lời câu hỏi dưới hình thức giao lưu
c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
3. Đọc văn bản tham khảo: "Linh hồn tiếng Việt" - GV hướng dẫn HS Đọc văn bản tham khảo dưới dạng giao lưu cùng khán giả **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV hướng dẫn HS nghiên cứu văn bản **"Linh hồn tiếng Việt" -** SGK **(ở nhà)** - HS (Khán giả) thực hiện trả lời các câu hỏi: **1.** Bạn hiểu câu tục ngữ "Chó treo mèo đậy" nghĩa là gì? Vì sao một người nước ngoài giỏi tiếng Việt như I-vo Va-xi-li-ep lại không hiểu được câu tục ngữ có vẻ đơn giản với nhiều người Việt. **2.** Cao Xuân Hạo đã chứng minh về "linh hồn tiếng Việt" bằng cách nào? Bạn có đánh giá gì về cách chứng minh đó? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thảo luận nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV lựa chọn đại diện một	**3. Đọc văn bản tham khảo: "Linh hồn tiếng Việt" (Cao Xuân Hạo)** **a. Nội dung văn bản:** **- Câu tục ngữ "Chó treo mèo đậy":** Nhắc nhở chúng ta về cách để đồ ăn sao cho không bị chó và mèo ăn mất. Nhà có chó thì nên treo đồ ăn lên cao vì chó không thể leo trèo, nhà có mèo thì đậy lại bởi mèo giỏi leo trèo **- Lí giải nguyên nhân người nước ngoài không hiểu tục ngữ Việt:** Thành ngữ, tục ngữ Việt Nam đều do ông cha ta quan sát cuộc sống thực tế mà đúc kết lên. Một người nước ngoài giỏi tiếng Việt không hiểu được câu tục ngữ bởi không được trải nghiệm cuộc sống của người dân Việt Nam **b. Cách lập luận:** - Tác giả đã chứng minh "linh hồn tiếng Việt" bằng việc đưa ra một trường hợp độc đáo về một người nước ngoài giỏi tiếng Việt nhưng không hiểu ý nghĩa của tục ngữ tiếng Việt - Nguyên nhân: "linh hồn của tiếng Việt" nó không biểu hiện ở trên mặt chữ mà còn là ý nghĩa sâu xa mà câu chữ đó mang lại - Dẫn chứng: Câu tục ngữ trong bài + Ta có thể hiểu được thời bấy giờ, đời sống của nhân dân ta rất khó khăn bởi vậy cha ông ta luôn coi trọng từng hạt cơm, nó đều rất quý báu vì là thành quả của sức lao động của nhân dân + Nhân vật trong truyện không hiểu rõ về hoàn cảnh xưa của Việt Nam nên không thể hiểu được ý nghĩa sâu xa của tục ngữ đó. Đây chính là lý do tại sao khi chúng ta học về một ngôn ngữ của một đất nước thì chúng ta cần phải học cả về văn hóa của đất nước đó

số nhóm đôi trả lời câu hỏi; các HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Đánh giá, kết luận:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Nhận xét lập luận của tác giả: Độc đáo, sáng tạo và hoàn toàn hợp lý => Chúng ta sẽ không thể hiểu một nền văn hóa chỉ qua ngôn ngữ mà chúng ta cần phải học cả về những thứ khác nữa như ẩm thực, thói quen, trình độ phát triển… Nó sẽ giúp chúng ta hiểu được ngôn ngữ, văn hóa của dân tộc đó một cách tường tận. Đó chính là linh hồn của ngôn ngữ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu**: Sử dụng kiến thức đã học thực hành làm các bài tập trong SGK phần Luyện tập

b. Nội dung:

- HS hoạt động cá nhân đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm
- GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Luyện tập **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV hướng dẫn HS nghiên cứu SGK và thực hiện trò chơi **"Em yêu Tiếng Việt":** **Vòng 3: Trả lời câu hỏi (Bài 1,2,3 SGK phần Luyện tập)** **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS đọc, suy nghĩ, thảo luận nhóm 7 phút tìm câu trả lời - GV quan sát, hỗ trợ nhóm HS gặp khó khăn (nếu cần thiết) **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm HS bấm chuông nhanh nhất thì được quyền trả lời, mỗi lượt trả lời đúng 10 điểm; các em khác nhận xét, bổ sung **Bước 4. Đánh giá, kết luận:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt	**II. Luyện tập** **1. Bài tập 1** **Gợi ý:** - Những ngôn ngữ được nhiều người sử dụng với tư cách là tiếng mẹ đẻ nhất: tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Hinđi và Urdu, tiếng Ả Rập… - Những ngôn ngữ được sử dụng ở nhiều quốc gia nhất: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha… - Những ngôn ngữ được dùng làm ngôn ngữ chính thức ở nhiều quốc gia nhất: tiếng Anh, tiếng Pháp… **2. Bài tập 2:** **Gợi ý:** HS có thể dùng biểu đồ hình cột với một số nội dung sau: - Tên: Số lượng ngôn ngữ ở các khu vực trên thế giới. - Cột dọc: số lượng ngôn ngữ (đơn vị từ 0 đến nghìn) - Cột ngang: Khu vực (Châu Á, Châu Phi, Thái Bình Dương, Châu Mỹ, Châu Âu). (Học sinh cũng có thể sử dụng biểu đồ hình tròn %) **3. Bài tập 3: Một số hiện tượng trong ngôn ngữ thể hiện đặc điểm văn hóa của dân tộc.**

lại kiến thức - Thư ký tổng hợp điểm của cả 3 vòng chơi, báo cáo kết quả - GV trao thưởng, tuyên dương hoặc ghi điểm cho nhóm/ HS xuất sắc	**Gợi ý:** **Ví dụ trong tiếng Việt:** - Từ "Tổ quốc" xuất phát từ đời sống nông nghiệp, kết hợp từ "Đất" và "nước" biểu đạt ý nghĩa cao cả, thiêng liêng. "Đồng bào" gắn với truyền thuyết "Con Rồng cháu Tiên". - Thành ngữ: "Cơm no áo ấm", "Cơm lành canh ngọt", "Cơm áo gạo tiền", "Cơm bưng nước rót", ... xuất phát từ thực tế đời sống vật chất, tinh thần của người Việt…

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập trong SGK phần Vận dụng

b. Nội dung:

- HS hoạt động cá nhân viết đoạn văn hoặc kết hợp làm việc nhóm thuyết trình
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoặc bài thuyết trình đúng yêu cầu của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Vận dụng **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV chuyển giao nhiệm vụ, HS lựa chọn 1 trong 2 hình thức sau: + Viết đoạn văn (khoảng 200) chữ nêu ý kiến của bạn về một vấn đề ngôn ngữ liên quan đến nội dung Phần 1, Chuyên đề 2 **(Bài tập 4. SGK phần Vận dụng)** + Thuyết trình về một vấn đề ngôn ngữ liên quan đến nội dung Phần 1, Chuyên đề 2 **(Bài tập 5. SGK phần Vận dụng)** - GV gợi ý HS lựa chọn: Vấn đề ngôn ngữ liên quan đến nội dung Phần 1, Chuyên đề 2, chẳng hạn: (1)- Việc dụng tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu. (2)- Khả năng phổ biến của E-xpê-ran- tô (Esperanto - quốc tế ngữ) **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lựa chọn nhiệm vụ làm việc cá nhân (nếu chọn viết), làm việc theo nhóm (nếu	**III. Vận dụng** **- Việc dụng tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu:** + Sự phổ biến của tiếng Anh trên thế giới + Những lợi ích và tác hại của việc dùng tiếng Anh + Đánh giá khả năng tiếng Anh có thể thay thế cho tiếng mẹ đẻ để dạy học trong nhà trường + Lí giải nguyên nhân + Sự phát triển của một số nước dùng tiếng Anh thay thế cho tiếng mẹ đẻ **- Khả năng phổ biến của E-xpê-ran- tô (Esperanto - quốc tế ngữ):** + Giải thích khái niệm "quốc tế ngữ" + Đánh giá về triển vọng phát triển và phổ biến của quốc tế ngữ + Cơ sở của sự đánh giá trên

chọn thuyết trình) **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** - GV gọi một số HS trình bày sản phẩm của mình (đọc bài viết hoặc thuyết trình theo vấn đề đã lựa chọn) **Bước 4. Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, đánh giá, khen thưởng hoặc ghi điểm cho HS/nhóm HS thực hiện tốt, thuyết phục	

Tiết 6 - 10

PHẦN 2: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua tổng hợp quá trình dạy **các kĩ năng Đọc - Viết - Nói - Nghe**

- Khám phá và đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ mới xuất hiện được sử dụng hiện nay.

- Nắm bắt cách sử dụng hệ thống những từ ngữ mới cho phù hợp trong từng hoàn cảnh cụ thể.

2. Phẩm chất

Biết trân trọng nét độc đáo do sự phát triển của ngôn ngữ mang lại

II. Thiết bị và học liệu

1. Về phía học sinh: CĐHT Ngữ văn lớp 11 – SGK, hồ sơ tài liệu, tranh ảnh, bảng biểu, video clip liên quan đến bài học,…

2. Về phía giáo viên:

- Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung cho bài học.
- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.
- Tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí,…) liên quan đến CĐ 2, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi trả lời nhanh câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi: "**Nhìn khẩu hình bắt trend giới trẻ"**

Trà xanh

Trà xanh được cộng đồng mạng sử dụng để nói đến những người con gái có vẻ ngây thơ nhưng lại thích "nhòm ngó" những đối tượng "chậu đã có bông".

Gen Z

Gen Z (thế hệ Z) là cụm từ để nói đến nhóm người được sinh trong khoảng thời gian từ năm 1995 đến năm 2012, thế hệ trẻ đến tuổi trưởng thành trong thập kỷ thứ 2 của thế kỷ 21.

Còn cái nịt

Cụm từ "còn cái nịt" được cộng đồng mạng sử dụng với ý nghĩa là mất hết, mất sạch chẳng còn gì.

Sao kê

Sao kê là hình thức liệt kê chi tiết những phát sinh giao dịch của tài khoản thanh toán của cá nhân hoặc tổ chức, bao gồm tất cả các giao dịch tín dụng ra và vào tài khoản.

U là trời

Đây là câu cảm thán được giới trẻ sử dụng rất nhiều trên mạng xã hội cũng như trong đời sống trong năm 2021 để thể hiện cảm xúc kinh ngạc, ngạc nhiên khi chứng kiến một sự việc hiện tượng bất ngờ nào đó.

Make it complicated, enjoy cái moment này

Đây là câu nói tiếng Việt chêm tiếng Anh được một cô ca sĩ, hotgirl nổi tiếng chia sẻ trên Facebook với ý nghĩa là "Sao cứ phải phức tạp hóa mọi thứ, tôi không thể nào tận hưởng được cái khoảnh khắc này".

Mlem mlem

Bắt nguồn từ video một chú mèo liên tục liếm nước trên Mgur và Reddit vào năm 2015 và đến đầu năm nay, cụm từ "mlem mlem" được giới trẻ sử dụng nhiều để chỉ hành động dễ thương của các con vật khi uống nước hay liếm thức ăn. Từ đó, nhiều người dùng cụm từ này khi muốn tỏ ra dễ thương với người bên cạnh hoặc để chỉ những hành động dễ thương của một ai đó.

Sugar daddy, sugar baby

Theo nghĩa đen, **sugar daddy** có nghĩa là "ông bố ngọt ngào" hay "bố nuôi" (trong nháy kép) nhưng hiện được giới trẻ hiểu theo nghĩa "trần trụi" chỉ những người đàn ông đã có tuổi (thường trên 50) và có điều kiện kinh tế. **Sugar baby** được hiểu là

những cô gái trẻ, xinh đẹp. **Sugar daddy** thường tặng quà đắt tiền, hỗ trợ về tài chính và tiền bạc để đổi lấy "tình cảm" của con gái nuôi (**sugar baby**) trong một khoảng thời gian nhất định.

Cẩu lương

Cẩu lương theo nghĩa đen tiếng Trung là "thức ăn cho chó". Tuy nhiên thuật ngữ này được biết đến và sử dụng để chỉ những hành động tình cảm của cặp đôi nào đó trước mặt những người độc thân và khiến họ nhiều lúc phải ghen tỵ với cặp đôi đó.

Xu cà na

Cà na là tên của một loại quả có vị chua và chát. Trên Facebook và các mạng xã hội khác, cụm từ "xu cà na" được dùng để chỉ thái độ tiêu cực về một chuyện xui xẻo, không may mắn vừa xảy ra. Ví dụ như "Xu cà na nhất là giữa trưa hè nóng bức đang thiu thiu ngủ thì mất điện".

Người chơi hệ

"Người chơi hệ" là 1 cụm từ dùng nói về 1 đặc điểm dễ nhận biết, không thể nhầm lẫn của 1 cá nhân, hoặc 1 nhóm người nào đó. Ban đầu cụm từ này chỉ được dùng trong văn hóa hiphop nhưng sau đó đã được cộng đồng mạng sử dụng rộng rãi như người chơi hệ nhiều tiền, hệ học giỏi…

Ờ mây zing gút chóp em

"Ờ mây zing gút chóp em" là phiên âm nhại theo lời khen "Amazing! Good Job Em - Thật tuyệt vời, làm tốt lắm em" của HLV Binz trong series chương trình game show Rap Việt 2020. Sau đó, cụm từ này được nhiều bạn trẻ sử dụng như 1 lời khen ngợi mang tính hài hước đối với 1 người, 1 sự vật hoặc sự việc nào đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- GV trình chiếu một số từ ngữ trend hiện nay, HS cuối lớp thể hiện bằng khẩu hình không có âm thanh hoặc giải thích bằng ngôn từ không có trong trend thách đố, HS tham gia chơi quay mặt xuống lớp, không nhìn màn hình, qua khẩu hình hoặc qua lời giải thích bắt trend giới trẻ
- GV chọn 1 HS làm MC, chọn 4 HS tham gia bắt trend và các HS còn lại biểu diễn khẩu hình hoặc giải thích trend thách đố người chơi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

- HS thể hiện hiểu biết cá nhân qua trò chơi
- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4. Đánh giá, kết luận:

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào phần học mới

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. HOẠT ĐỘNG 2.1: Sự phát triển của tiếng Việt

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được tri thức về sự phát triển của tiếng Việt.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tìm hiểu tri thức **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV hướng dẫn HS nghiên cứu SGK, sau đó thực hiện trò chơi "**Thử tài 3 giây"** - HS tham gia chơi dưới sự dẫn dắt của MC, trong 3 giây phải đưa đáp án đúng sai, không có đáp án sẽ nhanh chóng chuyển người khác và trả lời trong 2 giây,… **Câu 1:** Các từ ngữ mới trong tiếng Việt được hình thành nhờ cấu tạo nên những từ ngữ mới dựa trên yếu tố vốn có trong hệ thống A. Đúng B. Sai **(Đáp án: A)** **Câu 2:** Các từ ngữ mới trong tiếng Việt không được hình thành do vay mượn từ ngữ của các ngôn ngữ khác A. Đúng B. Sai **(Đáp án: B)** **Câu 3:** Sự phát triển của tiếng Việt hiện nay được thúc đẩy bởi sự phát triển nhanh chóng của đất nước ở tất cả các mặt của đời sống A. Đúng B. Sai **(Đáp án: A)** **Câu 4:** Sự phát triển của tiếng Việt hiện nay không được thúc đẩy bởi ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ và truyền thông. A. Đúng B. Sai **(Đáp án: B)** **Câu 3:** Nguyên nhân khiến một ngôn ngữ không phát triển nữa có thể do: *Nhân tố dân số, nhân tố văn hóa - ngôn ngữ; nhân tố tâm lí - xã hội; nhân tố chính sách ngôn ngữ* A. Đúng B. Sai **(Đáp án: A)**	**I. Tìm hiểu tri thức** **1. Sự phát triển của tiếng Việt** **a. Sự phát triển của Tiếng Việt theo quy luật chung** - Cấu tạo nên những từ ngữ mới dựa trên yếu tố vốn có trong hệ thống. - Vay mượn từ ngữ của các ngôn ngữ khác. **b. Sự phát triển của tiếng Việt hiện nay** - Những nhân tố thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của tiếng Việt: + Sự phát triển nhanh chóng của đất nước ở tất cả các mặt của đời sống. + Ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ và truyền thông.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ thông qua trò chơi **Bước 3. Báo cáo thảo luận:** - GV gọi một số HS tham gia trả lời thông qua trò chơi - HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, kết luận.	

2. HOẠT ĐỘNG 2.2: Những yếu tố mới của tiếng Việt

a. Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu khái niệm "yếu tố mới của ngôn ngữ"; phân loại các yếu tố mới của tiếng Việt; Sự ảnh hưởng của các yếu tố mới tới tiếng Việt.

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Những yếu tố mới của tiếng Việt		**Biểu hiện cụ thể**
Khái niệm "Yếu tố mới của ngôn ngữ"	Yếu tố mới	
	Yếu tố mới của ngôn ngữ	
Tiêu chí phân loại các yếu tố mới của tiếng Việt	Dựa vào...	
	Dựa vào...	
	Dựa vào...	
Tác động của các yếu tố ngôn ngữ mới với tiếng Việt	Tác động tích cực	
	Tác động tiêu cực	

Hoạt động của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi: **"Ong xây tổ"** + GV hướng dẫn HS thảo luận theo bàn 3 câu hỏi sau: **Câu 1:** Yếu tố mới của ngôn ngữ là gì? **Câu 2:** Có mấy tiêu chí dùng để phân loại các yếu tố mới của tiếng Việt? Nêu nội dung của các tiêu chí? **Câu 3:** Nêu tác động của các yếu tố ngôn ngữ mới với tiếng Việt. (Tác động tích cực? Tác động tiêu cực?) + Tiếp đó GV chia 2 đội chơi với thành viên là	**2. Những yếu tố mới của tiếng việt** **a. Khái niệm "yếu tố mới của ngôn ngữ"** (Xem bảng bên dưới) **b. Phân loại các yếu tố mới của tiếng Việt** (Xem bảng bên dưới) **c. Tác động của các yếu tố ngôn ngữ mới đối với tiếng Việt** (Xem bảng bên dưới)

đại diện các nhóm bàn thảo luận Thành viên các đội hoàn thành 2 bảng (giống nhau) trên giấy khổ A0, đội nào trả lời đúng và xong trước là đội chiến thắng **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận theo nhóm bàn, cử đại diện tham gia các đội chơi **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** 2 đội chơi tham gia chơi dưới sự điều khiển của MC **Bước 4. Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	

Những yếu tố mới của tiếng Việt		**Biểu hiện cụ thể**
Khái niệm "Yếu tố mới của ngôn ngữ"	Yếu tố mới	Là những điều mới
	Yếu tố mới của ngôn ngữ	Là những từ ngữ mới
Tiêu chí phân loại các yếu tố mới của tiếng Việt	Dựa vào nguồn gốc	Có thể phân biệt được yếu tố mới được tạo ra từ yếu tố có sẵn của tiếng Việt với yếu tố mới vay mượn từ ngôn ngữ khác
	Dựa vào phạm vi sử dụng	Có thể phân biệt yếu tố mới trong ngôn ngữ khoa học, ngôn ngữ thương mại, ngôn ngữ báo chí, ngôn ngữ hành chính, ngôn ngữ đời sống,...
	Dựa vào góc độ đóng góp của các yếu tố mới đối với quá trình phát triển của ngôn ngữ	Những từ ngữ mới đã nhập vào hệ thống tiếng Việt: + Những từ đã được đưa và từ điển tiếng Việt + Những từ được dùng phổ biến nhưng chưa xuất hiện trong từ điển + Những cụm từ viết tắt thể hiện một số khái niệm mới
		Những từ ngữ chỉ mới được đưa vào sử dụng trong một nhóm XH, chưa được nhập vào trong hệ thống tiếng Việt. + Những từ ngữ đang được sử dụng trong một nhóm XH đang có xu hướng phổ biến + Một số cách dùng ngôn ngữ xuất hiện trong giao tiếp của một bộ phận XH, chủ yếu là giới trẻ (Cách nói chêm xen từ ngữ tiếng Anh; cách nói lắp ghép các từ ngữ theo

		lối buông thả; ngôn ngữ teen; ngôn ngữ chat,...)
Tác động của các yếu tố ngôn ngữ mới với tiếng Việt	Tác động tích cực	Làm cho vốn từ ngữ trở nên phong phú, giúp ngôn ngữ phát triển khả năng biểu đạt, đáp ứng nhu cầu giao tiếp của nhiều tầng lớp nhân dân trong XH.
	Tác động tiêu cực	Làm tổn hại đến tính chặt chẽ, hệ thống của ngôn ngữ và có thể gây trở ngại cho giao tiếp (khó hiểu, gây hiểu lầm); tạo nên thói quen xấu cho người dùng, nhất là giới trẻ, chỉ dùng theo trào lưu mà không hiểu đầy đủ nghĩa của những từ mình dùng, dễ dãi trong việc sử dụng ngôn từ; dẫn đến tình trạng tình trạng sử dung ngôn ngữ xô bồ, pha tạp, làm mất đi vẻ đẹp và sự tinh tế của tiếng Việt.

Hoạt động 2.3. Đọc văn bản tham khảo

a. Mục tiêu: HS tìm thêm những từ gốc Hán và bày tỏ quan điểm về việc vay mượn từ ngữ qua việc nghiên cứu văn bản tham khảo SGK

b. Nội dung hoạt động:

- HS hoạt động cá nhân đọc và thu thập thông tin (ở nhà) kết hợp thảo luận nhóm (tại lớp)
- GV hướng dẫn HS đọc nhanh tại lớp và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Tìm thêm những từ gốc Hán thuộc các nhóm a,b và c mà tác giả bài viết đã nêu. 2. Bạn có đồng ý với nguyên tắc chỉ vay mượn "những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng" không? Vì sao? 3. Nêu một số ví dụ vay mượn của các ngôn ngữ châu Âu mà bạn cho là rất cần thiết hoặc không cần thiết. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc và thảo luận theo cặp **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**	**3. Đọc văn bản tham khảo: "Về nguyên tắc vay mượn từ ngữ" (Hoàng Văn Hành)** **(1)** Những từ gốc Hán thuộc các nhóm: a. Những từ gốc Hán được mượn bằng cách giữ nguyên ý nghĩa khi trong tiếng Việt chưa có các từ tương ứng với chúng: Tự do, hạnh phúc, chính trị, quan điểm,.... b. Những từ gốc Hán có quan hệ đồng nghĩa với từ Việt nhưng khác với từ Việt về màu sắc biểu cảm hoặc phong cách. Chúng không thể hoàn toàn thay thế cho nhau được: Phụ nữ, hi sinh, tạ thế, an táng, ... c. Những từ gốc Hán có quan hệ đồng nghĩa với từ Việt nhưng khác từ Việt về màu sắc, ý nghĩa, cách dùng. Chúng không thể thay thế nhau trong mọi trường hợp: phi cơ; hỏa xa; ... **(2)** Nên chỉ mượn những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng để đảm bảm bảo sự trong sáng của

- GV gọi đại diện 3 cặp đôi HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc - HS khác nghe, nhận xét, bổ sung,… **Bước 4. Đánh giá, kết luận** GV gợi ý, nhận xét, tuyên dương nhóm thực hiện tốt nhiệm vụ	tiếng Việt và tránh sử dụng một cách pha tạp, lai căng làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. **(3)** Một số ví dụ vay mượn của các ngôn ngữ Châu Âu: Internet, laptop, xà phòng, violong, marketing, kinh tế số, công nghệ số, bia, cà phê, xe tăng, cà rốt, ca cao, kem, bê tông, xúc xích,...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Luyện tập, củng cố kiến thức đã học để hoàn thành bài tập trong SGK phần Luyện tập

b. Nội dung:

- HS hoạt động cá nhân và kết hợp làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
II. Luyện tập
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV nêu câu hỏi:
* Bài tập 1: Liệt kê một số từ ngữ vốn thuộc phương ngữ mà nay được sử dụng rộng rãi ở nhiều vùng miền khác, góp phần làm giàu cho vốn từ vựng tiếng Việt toàn dân.
* Bài tập 2: Tìm thêm những từ ngữ mới mà theo bạn là đã được "nhập" vào hệ thống tiếng Việt.
* Bài tập 3: Tổng hợp những từ ngữ mới trong tiếng Việt mà bạn biết và sắp xếp vào các nhóm theo gợi ý ở bảng sau:
BẢNG PHÂN LOẠI TỪ NGỮ MỚI TRONG TIẾNG VIỆT THEO CÁC LĨNH VỰC
<table>
<tr><th colspan="5">Lĩnh vực</th></tr>
<tr><td>Đời sống</td><td>Khoa học,</td><td>Thương mại</td><td>Báo chí</td><td>Hành chín</td></tr>
</table>
</td><td>
II. Luyện tập
* Bài tập 1: Một số từ ngữ vốn thuộc phương ngữ mà nay được sử dụng rộng rãi ở nhiều vùng miền khác: sầu riêng, chôm chôm,... Trước đây, khi việc lưu thông hàng hoá, sản vật còn hạn chế, những loại trái cây như sầu riêng, chôm chôm,... hầu như không thấy xuất hiện ở miền Trung và miền Bắc, do đó, từ chỉ những loại trái cây này cũng ít được người dân ở các địa phương biết đến. Hiện nay, những loại trái cây này đã được mua bán ở nhiều nơi, ngoài khu vực Nam Bộ, theo đó các từ: sầu riêng, chôm chôm,... cũng dần trở nên quen thuộc.
* Bài tập 2:
Những từ ngữ mới đã được "nhập" vào hệ thống tiếng Việt là: tin tặc, số hóa, máy bay, sốt giá,...
* Bài tập 3:
BẢNG PHÂN LOẠI TỪ NGỮ MỚI TRONG TIẾNG VIỆT THEO CÁC LĨNH VỰC
</td></tr>
</table>

	công nghệ (thuật ngữ)			**h**
…	**…**	**…**	**…**	**…**

*** Bài tập 4:** Trao đổi nhóm để nhận xét, đánh giá kết quả được tổng hợp ở bài tập 3 dựa vào một số gợi ý sau:

a. Từ ngữ mới xuất hiện nhiều nhất trong lĩnh vực nào? Vì sao?

b. Những từ ngữ nào ảnh hưởng tích cực, những từ ngữ nào ảnh hưởng tiêu cực đến việc sử dụng tiếng Việt trong mỗi lĩnh vực?

c. Những từ ngữ nào được vay mượn từ các ngôn ngữ khác, những từ ngữ nào được cấu tạo từ các yếu tố của tiếng Việt? So sánh về tỉ lệ xuất hiện của hai nhóm từ ngữ giữa các lĩnh vực?

d. Bạn có dự đoán gì về xu hướng sử dụng yếu tố mới ở từng lĩnh vực trong tương lai?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện cá nhân bài 1,2,3
- HS thảo luận nhóm theo bàn

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc
- HS khác nhận xét, góp ý bổ sung, đặt câu hỏi phản biện,…

Bước 4. Đánh giá, kết luận

GV gợi ý, nhận xét đánh giá kết quả làm việc của cá nhân và nhóm học tập

Lĩnh vực				
Đời sống	**Khoa học, công nghệ (thuật ngữ)**	**Thương mại**	**Báo chí**	**Hành chính**
Toang, soái ca, gatô, chém gió, …	Hiệu ứng nhà kính, mất cân bằng sinh thái, …	Thương mại, điện tử, trực tuyến, …	Truyền hình, kĩ thuật số, báo điện tử,…	Một cửa, thành phố thông minh, …

*** Bài tập 4: Linh hoạt theo kết quả ở bài tập 3.**

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập trong SGK phần Vận dụng

b. Nội dung:
- GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức vào làm bài tập
c. Sản phẩm: Ý kiến thuyết phục và đoạn văn hoàn chỉnh, đúng yêu cầu
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Vận dụng **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** *GV nêu câu hỏi:* *** Bài 5:** Đọc đoạn trích (tr.49 SGK) và trả lời các câu hỏi: a. Bạn suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên? b. Việc giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ là vấn đề đặt ra đối với tiếng Việt hay là vấn đề của nhiều ngôn ngữ? Vì sao bạn nghĩ như vậy? **Bài 6:** Viết đoạn văn khoảng 200 chữ nêu ý kiến của bạn về sự phát triển của tiếng Việt trong đời sống xã hội. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - Bước 1: HS thảo luận nhóm theo bàn làm bài tập 5 - Bước 2: HS làm việc cá nhân làm bài tập 6 **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - GV gọi đại diện HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung,… **Bước 4. Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của nhóm và cá nhân HS	**III. Vận dụng** **Bài 5 SGK CĐ tr.49:** a. Ý kiến của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng là đúng, vì: - Đổi mới tiếng Việt làm cho vốn từ ngữ tiếng Việt trở nên phong phú, giúp ngôn ngữ tiếng Việt phát triển khả năng biểu đạt, đáp ứng nhu cầu giao tiếp của nhiều tầng lớp nhân dân trong xã hội. b. Việc giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ là vấn đề đặt ra không chỉ đối với tiếng Việt mà là vấn đề của nhiều ngôn ngữ khác. Vì bất kì ngôn ngữ nào trên thế giới đều có yếu tố ngôn ngữ mới. Điều đó được thể hiện rõ ở khía cạnh từ vựng. **Bài 6 SGK CĐ tr.49:** Viết đoạn văn khoảng 200 chữ về sự phát triển của tiếng Việt trong đời sống xã hội (tham khảo bên dưới)

Bài 6: Đoạn văn tham khảo

Một trong những sự khác biệt rõ rệt của mỗi dân tộc chính là ngôn ngữ. Tiếng Việt với sức sống kì lạ, lâu bền của mình đã trường tồn cùng lịch sử. Giờ đây, ta vẫn nhận chân được giá trị của tiếng Việt ngàn đời qua các tác phẩm còn lưu truyền của cha ông. Trong nhiều năm mở cửa, đổi mới, hội nhập, không chỉ tiếng Việt, nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới cũng phải "gồng" lên chống đỡ "cơn bão tiếng Anh" thổi khắp hoàn cầu. Đứng trước thực trạng thay đổi khá nhanh chóng gần đây của ngôn ngữ, rất nhiều người lo lắng và lên tiếng cảnh báo về hiện tượng sử dụng ngôn ngữ tuỳ tiện, cẩu thả làm "vẩn đục" tiếng Việt. Đặc biệt, ngôn ngữ trên mạng mới thực sự là đáng sợ. Nơi đó, ngôn ngữ tuỳ hứng trăm hình vạn vẻ. Tuy nhiên, đó chỉ là con số

rất nhỏ, tiếng Việt về cơ bản vẫn trong sáng, thuần nhất, mang tư duy dân tộc. Các bạn trẻ hôm nay cũng không ủng hộ việc vay mượn tràn lan, song vẫn xác định có cái đáng mượn. Có những cái ta mượn và biến thành "tài sản" của ta, khác đến nỗi "chủ nhân" của nó không còn nhận ra khi gặp lại. Phải nói rằng, tiếng Việt đã "giàu" và sinh động hơn nhờ vay mượn và Việt hoá một cách tuyệt vời một số lượng đáng kể từ ngữ gốc Hán, gốc Pháp và gốc Anh,…

Tiết 11- 15

PHẦN 3: VẬN DỤNG CÁC YẾU TỐ MỚI CỦA NGÔN NGỮ TRONG GIAO TIẾP

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua tổng hợp quá trình dạy **các kĩ năng Đọc - Viết - Nói - Nghe**

Giúp học sinh:

- Hiểu được mối quan hệ giữa việc tuân thủ chuẩn của ngôn ngữ với việc sáng tạo để ngôn ngữ phát triển.
- Nhận biết và đánh giá được các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.
- Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.

2. Phẩm chất

Biết trân trọng nét độc đáo do sự phát triển của ngôn ngữ mang lại

II. Thiết bị và học liệu

1. Về phía học sinh: CĐHT Ngữ văn lớp 11 – SGK, hồ sơ tài liệu, tranh ảnh, bảng biểu, video clip liên quan đến bài học,…

2. Về phía giáo viên:

- Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung cho bài học.
- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.
- Tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí,…) liên quan đến CĐ 2, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi trả lời nhanh câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS tham gia chuyên mục: "**Trà chanh chém gió"**

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- GV lựa chọn khoảng 5 HS tham gia chuyên mục
- GV đặt ra một số đề tài: Tình yêu, nghề nghiệp, trang phục, nói chuyện về người thứ 3,…
- Các HS tham gia chuyên mục thống nhất lựa chọn 01 đề tài rồi tham gia chém gió
- HS khác quan sát, tìm ra hệ thống từ mới trong đoạn chát của nhóm 5 bạn

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 1 số HS thể hiện hiểu biết cá nhân, phát hiện từ mới qua chuyên mục
- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4. Đánh giá, kết luận

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào phần học mới

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. HOẠT ĐỘNG 2.1. TÌM HIỂU TRI THỨC

a. Mục tiêu:

Giúp học sinh:

- Hiểu được mối quan hệ giữa việc tuân thủ chuẩn của ngôn ngữ với việc sáng tạo để ngôn ngữ phát triển.
- Nhận biết và đánh giá được các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.
- Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.

b. Nội dung: HS nghiên cứu SGK mục I. Tìm hiểu tri thức để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi: "**Vạch lá tìm sâu":** Các ngữ liệu dần hiện ra trên màn chiếu - 9 HS được lựa chọn tham gia trò chơi sẽ xếp thành hàng dựa theo bốc thăm, người	**I. Tìm hiểu tri thức** **1. Mối quan hệ giữa việc tuân thủ chuẩn của ngôn ngữ với việc sáng tạo để ngôn ngữ phát triển** **a.** Chuẩn tiếng Việt thể hiện chủ yếu ở các bình diện của hệ thống ngôn

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
đứng trước sẽ trả lời trước trong 3 giây, không trả lời được chuyển người tiếp theo, nối tiếp vòng tròn đến hết. HS tìm được 1 lỗi được 10 điểm: **Vòng 1:** Tìm yếu tố ngôn ngữ chưa chuẩn xác trong những ngữ liệu sau: **1.** Chuẩn tiếng Việt thể hiện chủ yếu ở các bình diện của hệ thống ngôn ngữ như: ngữ âm, bảng biểu, chính tả (chữ viết), từ ngữ, ngữ pháp và các yêu cầu về tạo lập văn bản. => Yếu tố ngôn ngữ chưa chuẩn xác: **bảng biểu** **2.** Chuẩn ngôn ngữ dựa trên hệ thống những quy tắc được xác lập và phát triển qua một quá trình lâu dài, có tính quy luật làm cơ sở cho việc định hướng, điều chỉnh hoạt động giao tiếp của các thành viên trong một cộng đồng. => Yếu tố ngôn ngữ chưa chuẩn xác: **có tính quy luật** **3.** Tuy vậy, những quy định tạo nên chuẩn của ngôn ngữ không phải là cái bất biến, mà là cái hiển hiện. => Yếu tố ngôn ngữ chưa chuẩn xác: **mà là cái hiển hiện** **4.** Tuân thủ chuẩn mực ngôn ngữ không có nghĩa là chỉ giữ nguyên vẹn cái vốn có từ các thế hệ trước và không tiếp nhận những yếu tố mới vào hệ thống mà cần sử dụng song hành ngôn ngữ dân tộc và ngôn ngữ nước ngoài => Yếu tố ngôn ngữ chưa chuẩn xác: **mà cần sử dụng song hành ngôn ngữ dân tộc và ngôn ngữ nước ngoài** **5.** Sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt không chỉ nhằm giữ gìn một phương tiện giao tiếp quan trọng mà còn thể hiện trách nhiệm của mỗi người đối với di sản văn hoá dân tộc	ngữ như: ngữ âm, chính tả (chữ viết), từ ngữ, ngữ pháp và các yêu cầu về tạo lập văn bản. - Chuẩn ngôn ngữ dựa trên hệ thống những quy tắc được xác lập và phát triển qua một quá trình lâu dài, làm cơ sở cho việc định hướng, điều chỉnh hoạt động giao tiếp của các thành viên trong một cộng đồng. **b.** Tuy vậy, những quy định tạo nên chuẩn của ngôn ngữ không phải là cái bất biến. Tuân thủ chuẩn mực ngôn ngữ không có nghĩa là chỉ giữ nguyên vẹn cái vốn có từ các thế hệ trước và không tiếp nhận những yếu tố mới vào hệ thống. **c.** Sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt không chỉ nhằm giữ gìn một phương tiện giao tiếp quan trọng mà còn thể hiện trách nhiệm của mỗi người đối với di sản văn hoá dân tộc. Để giữ gìn và phát triển tiếng Việt, mỗi người cần có thái độ và nhận thức đúng đắn về ngôn ngữ của dân tộc, cụ thể: - Cần có tình yêu, sự quý trọng, lòng tự hào đối với tiếng Việt; - Có hiểu biết về chuẩn ngôn ngữ thể hiện qua yêu cầu về phát âm, quy định chính tả, cách dùng từ, quy tắc đặt câu và tạo lập văn bản. Rèn luyện kĩ năng nói và viết nhằm đạt được sự trong sáng trong việc biểu đạt các ý tưởng và thông tin; tạo ý thức, thói quen nói đúng, viết đúng; chú trọng tính văn hóa, lịch sử của lời nói. **Ví dụ:** + Trong trận đấu giữa đội tuyển Ý

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
và tôn vinh năng lực mỗi cá nhân. => Yếu tố ngôn ngữ chưa chuẩn xác: **tôn vinh năng lực mỗi cá nhân**. **6.** Để giữ gìn và phát triển tiếng Việt, mỗi người cần có thái độ và nhận thức đúng đắn về ngôn ngữ của dân tộc và đặc biệt phải biết ít nhất một ngoại ngữ => Yếu tố ngôn ngữ chưa chuẩn xác: **và đặc biệt phải biết ít nhất một ngoại ngữ** *Để giữ gìn và phát triển ngôn ngữ của dân tộc, mỗi người cần chú ý:* **7.** Cần có tình yêu, sự quý trọng, lòng tự hào đối với tiếng Việt; luôn so sánh tiếng Việt với các ngôn ngữ khác =>Yếu tố ngôn ngữ chưa chuẩn xác: **luôn so sánh tiếng Việt với các ngôn ngữ khác** **8.** Có hiểu biết về chuẩn ngôn ngữ thể hiện qua yêu cầu về phát âm, cách vẽ bảng, biểu, sơ đồ, quy định chính tả, cách dùng từ, quy tắc đặt câu và tạo lập văn bản. =>Yếu tố ngôn ngữ chưa chuẩn xác: **cách vẽ bảng, biểu, sơ đồ** **9.** Rèn luyện kĩ năng nói và viết nhằm đạt được sự trong sáng trong việc biểu đạt các ý tưởng và thông tin; rèn luyện thêm thể lực, tạo ý thức, thói quen nói đúng, viết đúng; chú trọng tính văn hóa, lịch sử của lời nói. =>Yếu tố ngôn ngữ chưa chuẩn xác: **rèn luyện thêm thể lực** **Vòng 2: Nâng cao** - GV đưa thêm câu hỏi nâng cao với số điểm gấp ba so với câu hỏi ở trên: *+ Có nhiều trường hợp không thể thay thế từ Hán Việt bằng những từ ngữ "thuần Việt" đồng nghĩa, chẳng hạn, không thể thay **phi công** bằng **người lái máy bay**, thay **máy bay trực thăng** bằng **máy bay lên thẳng**. Hãy tìm thêm những ví dụ tương tự.*	và đội tuyển Pháp, hàng trăm *khán giả* đánh nhau. =>Từ thuần Việt đồng nghĩa với từ "khán giả" là "người xem". Nếu ta thay thế "khán giả" bằng "người xem", câu sẽ trở nên mơ hồ, có hai cách hiểu khác nhau, đó là "hàng trăm khán giả đánh nhau" sẽ rất khác với "hàng trăm người xem đánh nhau". + Tiêu ngữ: Độc lập – Tự do – Hạnh phúc không thể thay bằng: Đứng một mình – Tự do – Hạnh phúc + Giấy thông hành – Giấy đi qua + Trường tiểu học – Trưởng trẻ con học,...

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Sau 2 vòng thi, thư kí ghi lại số điểm sau các lượt trả lời luân phiên. HS nào có số điểm cao nhất sẽ chiến thắng **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS tham gia trò chơi để hoàn thành nhiệm vụ - GV hỗ trợ khi cần thiết. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - GV lựa chọn 9 HS tham gia trò chơi và một HS làm MC - HS khác lắng nghe, phát biểu ý kiến nhận xét. **Bước 4. Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. - Thư ký tổng hợp điểm qua 2 vòng - GV tuyên dương, trao thưởng hoặc cho điểm HS có số điểm cao nhất, nhì, ba,…	
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ **GV:** Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo tổ, sau đó lựa chọn 2 đội HS tham gia trò chơi: "**Lắp ghép"** **HS** dùng những miếng ghép (nội dung cơ bản của bài học) ghép vào ô trống trong bảng (có chỉ dẫn) bên dưới (Phụ lục 1,2) **Các miếng ghép:** 1- Chỉ tiếp nhận những yếu tố mới có tác dụng đáp ứng nhu cầu giao tiếp của người Việt một cách linh hoạt; 2 - Chỉ tiếp nhận những yếu tố mới không làm phá vỡ tính chuẩn mực, sự tinh tế của hệ thống ngôn ngữ hiện có. 3 - Đề tài: phạm vi đời sống được đề cập đến trong văn bản, ví dụ: một chuyến du lịch, sở thích của giới trẻ, vấn đề ô nhiễm môi trường, tình trạng bạo lực học đường,... 4 - Nhân vật giao tiếp: Quan hệ giữa người viết với người đọc hoặc giữa người nói với người nghe xét về vị thế, nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính,...	**2. Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ một cách phù hợp** ***a. Một yếu tố ngôn ngữ mới để được chấp nhận rộng rãi và có cơ hội "nhập" vào hệ thống tiếng Việt cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:*** - Chỉ tiếp nhận những yếu tố mới có tác dụng đáp ứng nhu cầu giao tiếp của người Việt một cách linh hoạt; - Chỉ tiếp nhận những yếu tố mới không làm phá vỡ tính chuẩn mực, sự tinh tế của hệ thống ngôn ngữ hiện có. ***b. Các yếu tố cơ bản của một tình huống giao tiếp có ảnh hưởng đến việc lựa chọn từ ngữ:*** - Đề tài: phạm vi đời sống được đề cập đến trong văn bản, ví dụ: một chuyến du lịch, sở thích của giới trẻ, vấn đề ô nhiễm môi trường, tình trạng bạo lực học đường,... - Nhân vật giao tiếp: Quan hệ giữa

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
5 - Kênh giao tiếp: ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ viết, trang trọng hay thân mật, chỉ ngôn ngữ hay kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh (giao tiếp đa phương thức)… 6 - Có những tình huống giao tiếp mà nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn được đặt ra một cách nghiêm ngặt, chỉ sử dụng những yếu tố mới đã được chấp nhận rộng rãi. 7 - Tuy nhiên, cũng có những tình huống giao tiếp mà nhu cầu, sở thích sử dụng ngôn ngữ của cá nhân được tôn trọng ở mức độ nhất định. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS các nhóm trao đổi, thảo luận. - GV hỗ trợ khi cần thiết. **Bước 3. Báo cáo kết quả** - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp bằng trò chơi "**Lắp ghép"** - HS lắng nghe, phát biểu ý kiến nhận xét. **Bước 4. Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức - GV lưu ý HS cách sử dụng ngôn ngữ của cá nhân trong những tình huống giao tiếp nhất định: **Chẳng hạn:** *"U là trời"* được biết đến là cụm từ được chế lại từ *"trời ơi"*. *"U là trời"* là câu cảm thán được giới trẻ sử dụng để thể hiện cảm xúc kinh ngạc, ngạc nhiên khi chứng kiến một câu chuyện bất ngờ nào đó. Cụm từ này còn có trạng thái cảm xúc giống với *"Oh my god"* trong tiếng Anh. Cụm từ này thường được sử dụng trong các đoạn chat, các cuộc nói chuyện phiếm của giới trẻ. Tuy nhiên, trong các loại văn bản không thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, các cách diễn đạt này sẽ không được chấp nhận vì nếu dùng sẽ bị sai phong cách.	người viết với người đọc hoặc giữa người nói với người nghe xét về vị thế, nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính,... - Kênh giao tiếp: ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ viết, trang trọng hay thân mật, chỉ ngôn ngữ hay kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh (giao tiếp đa phương thức)… + Chẳng hạn, các văn bản có thể cùng đề tài (ví dụ về động vật hoang dã) và cho cùng đối tượng tiếp nhận (ví dụ đối tượng học sinh), nhưng khác nhau về kênh giao tiếp (ví dụ bài đọc trong sách giáo khoa và bài thuyết minh trong một buổi tham quan ở sở thú); cùng kênh giao tiếp (ví dụ bài giảng ở lớp) và cho cùng đối tượng tiếp nhận (ví dụ đối tượng học sinh), nhưng khác về đề tài (ví dụ bài học về năng lượng và bài học về ca dao),... ***c. Hiểu biết về tình huống giao tiếp giúp chúng ta có cách sử dụng các yếu tố mới một cách phù hợp*** - Có những tình huống giao tiếp mà nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn được đặt ra một cách nghiêm ngặt, chỉ sử dụng những yếu tố mới đã được chấp nhận rộng rãi. - Tuy nhiên, cũng có những tình huống giao tiếp mà nhu cầu, sở thích sử dụng ngôn ngữ của cá nhân được tôn trọng ở mức độ nhất định.

Hoạt động 2.2. Đọc văn bản tham khảo

a. Mục tiêu: HS học hỏi được kinh nghiệm viết qua việc nghiên cứu văn bản tham khảo SGK

b. Nội dung hoạt động:

- HS hoạt động cá nhân đọc và thu thập thông tin (ở nhà) kết hợp thảo luận nhóm (tại lớp)
- GV hướng dẫn HS đọc nhanh tại lớp và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong sách chuyên đề Ngữ văn văn bản: *Về tiếng ta* của Nguyễn Tuân - GV sử dụng kĩ thuật mảnh ghép: **Vòng 1:** GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận các câu hỏi + Nhóm 1: Tình yêu tiếng Việt của Nguyễn Tuân được thể hiện như thế nào qua văn bản *Về tiếng ta?* + Nhóm 2: Bạn học hỏi được gì từ kinh nghiệm viết của tác giả? + Nhóm 3: Nguyễn Tuân quan niệm như thế nào về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt? + Nhóm 4: Qua bài viết của Nguyễn Tuân, bạn có nhận xét gì về vai trò của nhà văn trong sự phát triển của tiếng Việt? **Vòng 2: Nhóm mảnh ghép** Hình thành nhóm mảnh ghép từ 4 nhóm trên **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc kiến thức trong sách chuyên đề thảo luận trả lời câu hỏi theo nhiệm vụ nhóm (6 phút) - Sau khi thảo luận xong, các thành viên của 4 nhóm tiếp tục ghép thành 4 nhóm mới thực hiện tổng	**3. Tìm hiểu văn bản: *Về tiếng ta* của Nguyễn Tuân** **3.1. Tình yêu tiếng Việt của Nguyễn Tuân được thể hiện qua việc:** - Ông biết ơn đất nước, ông bà tiên tổ - những người đã truyền cho ông thứ tiếng nói đậm đà mà ông hằng nói từ những ngày mới ra đời. - Ông yêu tiếng Việt và không bao giờ quên được tiếng Việt dù cho có chết. - Theo ông, mỗi lần viết xong đều cần đọc lại và cảm nhận, đánh giá nó bằng các giác quan. - Ông cho rằng ngôn ngữ Việt Nam rất trong sáng và giàu có. - Trong đoạn cuối ông trăn trở "Làm thế nào để cứ giàu có mãi hơn lên, mà càng giàu lại càng đẹp. Nói một cách khác: bằng lòng và gắng sức cho thành một người giàu có vô kể trong sự phồn vinh chung của tiếng Việt Nam. Nhưng hết sức chống lại mọi thứ "trọc phú" trong đời sống ngôn ngữ ta. Giàu có, mà không vẩn đục-vẩn về tư duy, đục về mỹ lý". Qua đó có thể thấy, ông trân trọng và luôn mong muốn làm giàu đẹp và bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. => Nguyễn Tuân là một người vô cùng yêu tiếng nói, chữ viết của dân tộc. **3.2. Qua đoạn trích "Về tiếng ta" của tác giả Nguyễn Tuân, rút ra một số kinh nghiệm viết như sau:** - Khi viết cần có luận điểm rõ ràng, lập luận

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
hợp cả 4 yêu cầu (6 phút) **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV mời đại diện các nhóm mảnh ghép trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. **Bước 4. Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	rõ ràng, dẫn chứng cụ thể. - Sau khi viết bài cần đọc lại, cảm nhận và suy ngẫm lại nội dung của mình. - Khi viết cần chú ý ngôn từ của mình, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. **3.3 Nhà văn Nguyễn Tuân quan niệm về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt như sau:** "....bằng lòng và gắng sức cho thành một người giàu có vô kể trong sự phồn vinh chung của tiếng Việt Nam. Nhưng hết sức chống lại mọi thứ "trọc phú" trong đời sống ngôn ngữ ta. Giàu có, mà không vẩn đục-vẩn về tư duy, đục về mỹ lý." **3.4. Qua bài viết của Nguyễn Tuân, nhận thấy nhà văn có vai trò quan trọng trong sự phát triển của tiếng Việt.** Nhà văn góp phần bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt, đồng thời cũng góp phần làm giàu đẹp ngôn từ của tiếng Việt.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Luyện tập, củng cố kiến thức đã học để hoàn thành bài tập trong SGK phần Luyện tập

b. Nội dung:

- HS hoạt động cá nhân và kết hợp làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu

d. Tổ chức thực hiện:

II. Luyện tập

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu học sinh đọc và trả lời câu hỏi 1,2 phần II. Luyện tập và vận dụng trong SGKCĐ.
- HS hoàn thành bài tập.
- HS chia sẻ ý kiến với cả lớp.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện cá nhân làm bài 1, nhóm thảo luận bài 2

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc
- HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4. Đánh giá, kết luận

GV gợi ý, nhận xét, đánh giá kết quả của HS

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1. Tiếng lóng có thể được chấp nhận trong tình huống: nói chuyện phiếm (đề tài) giữa những người bạn trong nhóm (đối tượng tiếp nhận) qua các nền tảng ứng dụng công nghệ (kênh giao tiếp).

Ví dụ: Trong trường học, có khi học sinh dám đặt biệt danh cho các thầy cô, chẳng hạn, tùy thuộc vào hình dáng của các thầy cô mà có "tên" như "cá bảy màu", "cây sậy", "hạt mít", "chú lùn".

- Theo em, một số người lại dùng tiếng lóng vì nhiều người dùng nó như lời nói đùa, một thứ mốt, có thể tạo ra một cái gì đó mang nét riêng, đặc thù của nhóm. Một số người cho rằng việc dùng tiếng lóng cho người ta cảm giác con người trẻ lại, hòa đồng vào nhóm.

Câu 2. Giải pháp cần thực hiện để giữ gìn và phát triển ngôn ngữ của dân tộc:

Giữ gìn và phát triển ngôn ngữ của dân tộc là một vấn đề lớn và quan trọng. Giải pháp cho vấn đề này đòi hỏi sự phối hợp của nhiều thành phần trong xã hội. Có thể đưa ra các giải pháp xét từ nhiều góc độ:

- Về cá nhân: Cần có ý thức giữ gìn và bảo vệ ngôn ngữ truyền thống, đồng thời ta phải tiếp thu có chọn lọc những giá trị tinh hoa ngôn ngữ của nhân loại để làm giàu, hoàn thiện thêm vốn tiếng Việt.
- Về phía gia đình: Mỗi thành viên cần có ý thức giữ gìn, bảo vệ, tạo nền tảng, môi trường lành mạnh, văn hóa,… để ngôn ngữ giao tiếp trong gia đình hướng đến sự chuẩn mực và trong sáng của tiếng Việt.
- Về phía nhà trường: Nhà trường, thầy cô giáo cần chú ý nhắc HS rèn thói quen nói, viết, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ trong sáng, chuẩn mực,… để góp phần giữ gìn và phát triển tiếng Việt.
- Về phía các cơ quan truyền thông:

+ Lên án, tố cáo những đối tượng có hành vi làm xấu đi ngôn ngữ tiếng Việt.

+ Phê bình các ngôn ngữ "rác" tràn lan trên mạng xã hội.

+ Tích cực tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân dân trong việc bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng trong SGK phần Vận dụng

b. Nội dung:

- HS hoạt động cá nhân và kết hợp làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu

d. Tổ chức thực hiện:

III. Vận dụng

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Câu 3. Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu ý kiến của bạn về một vấn đề liên quan đến việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

Câu 4. Vận dụng hiểu biết về tình huống giao tiếp (đề tài, quan hệ giữa những người tham vào giao tiếp, kênh giao tiếp) để thảo luận, phân tích và đánh giá về sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong một văn bản tự chọn

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện câu hỏi 3 tại lớp
- HS thực hiện câu hỏi 4 ở nhà

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo kết quả trên lớp câu hỏi 3
- HS báo cáo kết quả câu hỏi 4 trên nhóm lớp hoặc vào tiết học sau
- HS nhận xét, bổ sung chéo cho nhau theo tiến trình hoạt động

Bước 4. Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn học sinh viết theo quy trình đối với câu hỏi 3:

Hình thành ý tưởng: cá nhân/ nhóm ghi ra những ý tưởng về vai trò của tiếng Việt trong học tập, trong công việc và giao tiếp hằng ngày; vị thế của tiếng Việt trước làn sóng học Ngoại ngữ như vũ bão của xu thế toàn cầu hoá; cách đơn giản để giữ gìn tiếng Việt, làm cho tiếng Việt ngày càng giàu hơn, đẹp hơn, hiện đại hơn; một số ví dụ về cách sự dụng tiếng Việt phù hợp, chưa phù hợp giao tiếp hằng ngày, trong sử dụng mạng xã hội của người Việt nói chung, nhất là các bạn trẻ;…

Lập dàn ý bằng câu hỏi tìm ý:

Ví dụ:

- Một số vấn đề có thể lựa chọn để viết: Bạn hiểu thế nào về sự trong sáng của tiếng Việt? Giới trẻ có vai trò như thế nào trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt? Theo bạn, cần tiếp nhận các yếu tố mới của ngôn ngữ như thế nào? Thành phần nào trong xã hội có ảnh hưởng lớn nhất đối với sự phát triển của ngôn ngữ?...

- Đoạn văn cần triển khai theo định hướng của kiểu bài nghị luận. Do khuôn khổ của một đoạn văn, bạn cần chọn những lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu nhất và trình bày các nội dung một cách mạch lạc, súc tích.

Viết nháp: Cá nhân học sinh vận dụng kiến thức mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn; kiến thức đặc thù của văn nghị luận để vận dụng những kiến thức của tập thể trong bước nảy sinh ý tưởng để chủ động viết nháp;

Chỉnh sửa bài viết: giáo viên chọn một trong hai cách chỉnh sửa: đọc và nhận xét một số bài viết ngẫu nhiên, học sinh chỉnh sửa cặp đôi.

Hoàn thiện bài viết: học sinh thực hiện nộp sản phẩm

Bài tham khảo

Bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt là thể hiện tinh thần yêu nước, ý thức tự hào về di sản mà cha ông để lại, và chỉ trên cơ sở đó mới có khả năng phát triển và làm phong phú thêm di sản tinh thần của dân tộc. Hiện nay, trong khi vốn từ vựng tiếng Việt trong một số người còn nghèo, sự hiểu biết về ý nghĩa các từ còn hời hợt, có khi chưa

chính xác, thì sự ồ ạt tấn công của các ngôn ngữ khác, đặc biệt của tiếng Anh, càng làm tình hình thêm phức tạp. Những sai lầm về chính tả, về ngữ pháp trong nhiều bài viết, kể cả trong một số văn bản có tính pháp quy đang làm suy yếu hiệu quả giao tiếp xã hội. Thực tế cũng chứng minh rằng, sự phát triển ồ ạt của mạng truyền thông, cũng đang tạo nên những khó khăn phức tạp không chỉ đối với nhận thức của xã hội, mà còn đối với sự trong sáng của tiếng Việt. Tuy vậy, chúng ta vẫn luôn tìm mọi cách để giữ lấy vẻ đẹp của Tiếng Việt, vẫn luôn dùng tiếng Việt để thể hiện những vấn đề trọng đại của đất nước, cũng như những tâm tư thầm kín của mỗi con người. Ta biến những từ mới thành nguyên liệu ngôn ngữ làm phong phú thêm vốn từ vựng của tiếng Việt… Tiếng nói là một bộ phận quan trọng tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc. Bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt sẽ góp phần giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc ta. Đó chính là kết quả của tình yêu và tự hào về con người Việt Nam, Tổ quốc Việt Nam, những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Phụ lục:

1. Bảng Lắp ghép

Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ một cách phù hợp	
Những yêu cầu cơ bản giúp một yếu tố ngôn ngữ mới được chấp nhận rộng rãi và có cơ hội "nhập" vào hệ thống tiếng Việt	
Các yếu tố cơ bản của một tình huống giao tiếp có ảnh hưởng đến việc lựa chọn từ ngữ	
Mối liên quan giữa hiểu biết về tình huống giao tiếp và cách sử dụng các yếu tố mới một cách phù hợp	

2. Bảng Lắp ghép vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ một cách phù hợp

Vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ một cách phù hợp	
Những yêu cầu cơ bản giúp một yếu tố ngôn ngữ mới được chấp nhận rộng rãi và có cơ hội "nhập" vào hệ thống tiếng Việt	- Chỉ tiếp nhận những yếu tố mới có tác dụng đáp ứng nhu cầu giao tiếp của người Việt một cách linh hoạt;
	- Chỉ tiếp nhận những yếu tố mới không làm phá vỡ tính chuẩn mực, sự tinh tế của hệ thống ngôn ngữ hiện có
Các yếu tố cơ bản của một tình huống giao	*Đề tài:* phạm vi đời sống được đề cập đến trong văn bản, ví dụ: một chuyến du lịch, sở thích của giới trẻ, vấn đề

tiếp có ảnh hưởng đến việc lựa chọn từ ngữ	ô nhiễm môi trường, tình trạng bạo lực học đường,...
	Nhân vật giao tiếp: Quan hệ giữa người viết với người đọc hoặc giữa người nói với người nghe xét về vị thế, nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính,...
	Kênh giao tiếp: ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ viết, trang trọng hay thân mật, chỉ ngôn ngữ hay kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh (giao tiếp đa phương thức)…
Mối liên quan giữa hiểu biết về tình huống giao tiếp và cách sử dụng các yếu tố mới một cách phù hợp	- Có những tình huống giao tiếp mà nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn được đặt ra một cách nghiêm ngặt, chỉ sử dụng những yếu tố mới đã được chấp nhận rộng rãi.
	- Tuy nhiên, cũng có những tình huống giao tiếp mà nhu cầu, sở thích sử dụng ngôn ngữ của cá nhân được tôn trọng ở mức độ nhất định.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

Câu 4. Vận dụng hiểu biết về tình huống giao tiếp (đề tài, quan hệ giữa những người tham vào giao tiếp, kênh giao tiếp) để thảo luận, phân tích và đánh giá về sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ trong một văn bản tự chọn (Xem gợi ý Sách chuyên đề học tập Ngữ văn 11 tr.57)

CHUYÊN ĐỀ 3:
ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC
(10 tiết)

TiếT 1- 3:
PHẦN 1. ĐỌC VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua tổng hợp quá trình dạy **các kĩ năng Đọc - Viết - Nói - Nghe**

- Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của một tác giả lớn.
- Biết cách đọc một tác giả văn học lớn.
- Biết viết bài giới thiệu về một tác giả văn học đã đọc.
- Vận dụng được những hiểu biết từ CĐ để đọc hiểu và viết về những tác giả văn học khác.
- Biết thuyết trình về một tác giả văn học.

2. Phẩm chất

Học sinh có thái độ trân trọng đối với những di sản nghệ thuật quý báu mà ông cha ta truyền lại

II. Thiết bị và học liệu

1. Về phía học sinh: CĐHT Ngữ văn lớp 11 – SGK, hồ sơ tài liệu, tranh ảnh, bảng biểu, video clip liên quan đến bài học,…

2. Về phía giáo viên:

- Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung cho bài học.
- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.
- Tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí,…) liên quan đến CĐ 3, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi **Ong tìm chữ**

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Học sinh thực hiện trò chơi: **Ong tìm chữ (tìm tên các giả văn học)**

B	**C**	**N**	**O**	**N**	**G**	**U**	**Y**	**Ê**	**N**	**T**	**R**	**A**	**I**	**C**	**P**
G	**I**	**G**	**O**	**G**	**G**	**N**	**G**	**A**	**B**	**E**	**Đ**	**B**	**K**	**M**	**O**
H	**H**	**U**	**B**	**U**	**E**	**U**	**O**	**H**	**Q**	**K**	**R**	**E**	**R**	**S**	**K**
Ô	**K**	**Y**	**E**	**G**	**Đ**	**H**	**Y**	**U**	**A**	**O**	**T**	**U**	**O**	**T**	**O**
C	**Đ**	**Ê**	**B**	**H**	**I**	**L**	**I**	**Ê**	**M**	**K**	**Ô**	**B**	**U**	**N**	**Q**

H	**L**	**N**	**Q**	**S**	**N**	**U**	**B**	**O**	**N**	**E**	**H**	**E**	**T**	**N**	**O**
I	**A**	**T**	**H**	**M**	**H**	**N**	**I**	**D**	**A**	**D**	**Ư**	**U**	**Đ**	**P**	**I**
M	**Đ**	**U**	**I**	**A**	**Đ**	**O**	**E**	**M**	**M**	**V**	**U**	**O**	**I**	**N**	**N**
I	**B**	**Â**	**B**	**N**	**R**	**I**	**M**	**I**	**C**	**O**	**V**	**C**	**B**	**H**	**B**
N	**D**	**N**	**I**	**H**	**S**	**T**	**B**	**K**	**A**	**B**	**I**	**D**	**I**	**B**	**N**
H	**S**	**R**	**O**	**P**	**A**	**D**	**A**	**H**	**O**	**X**	**S**	**E**	**M**	**Â**	**Q**
P	**Q**	**B**	**B**	**I**	**G**	**M**	**Q**	**G**	**A**	**E**	**A**	**T**	**C**	**U**	**M**
H	**Ô**	**X**	**U**	**Â**	**N**	**H**	**Ư**	**Ơ**	**N**	**G**	**O**	**Y**	**H**	**S**	**C**
D	**S**	**K**	**X**	**U**	**Â**	**N**	**D**	**I**	**Ê**	**U**	**U**	**M**	**R**	**E**	**U**
Q	**D**	**A**	**S**	**O**	**B**	**I**	**R**	**E**	**B**	**H**	**P**	**B**	**Đ**	**A**	**P**
N	**G**	**U**	**Y**	**Ê**	**N**	**H**	**U**	**Y**	**T**	**H**	**I**	**Ê**	**P**	**I**	**C**

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi: **Ong tìm chữ** - Đội nào tìm nhanh và đúng trong thời gian (5 phút) là đội chiến thắng **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - GV chia lớp thành lập 6 đội chơi, mỗi đội chơi 7-8 thành viên - Các thành viên mỗi đội, hợp tác, hỗ trợ nhau tìm ra tên các tác giả văn học trong bảng chữ cái do GV trình chiếu và in chuyển cho các đội chơi - GV quan sát, gợi ý **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Học sinh tìm tên các giả văn học, kết quả được dán lên bảng **Bước 3. Đánh giá, kết luận:** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài	Xem phụ lục 1. **Ong tìm chữ (tìm tên các giả văn học)**

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG 2.1. TRI THỨC TỔNG QUÁT

a. **Mục tiêu**: Hiểu tri thức tổng quát về tác giả văn học lớn, phong cách nghệ thuật của nhà văn, sự nghiệp văn chương.

b. Nội dung:

- HS hoạt động cặp đôi đọc và thu thập thông tin, trả lời câu hỏi
- GV hướng dẫn HS trả lời nhanh các câu hỏi Đúng - Sai

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:	**I. TRI THỨC TỔNG QUÁT**

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu SGK và cặp đôi trả lời nhanh 5 câu hỏi Đúng - Sai **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** GV trình chiếu hệ thống câu hỏi: 1. Tác giả văn học lớn là người sáng tác số lượng tác phẩm nhiều hoặc sáng tác được tác phẩm có dung lượng lớn. Đúng hay sai? Đáp án: Sai 2. Phong cách nghệ thuật của nhà văn là hệ thống những nét độc đáo về nội dung và nghệ thuật xuất hiện thường xuyên, nhất quán trong mọi tác phẩm thuộc các chặng đường sáng tác khác nhau của tác giả, làm nên "khuôn mặt" tinh thần và đóng góp riêng của tác giả trong lịch sử văn học. Đúng hay sai? Đáp án: Đúng 3. Các phương diện cơ bản thể hiện phong cách nghệ thuật của nhà văn: quan niệm về văn chương – nghệ thuật; việc lựa chọn, xử lí cấu trúc tác phẩm, xác định rõ cảm xúc của bản thân; việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật; Đúng hay sai? Đáp án: Sai 4. Sự nghiệp văn chương của một tác giả là toàn bộ sáng tác văn học có giá trị của tác giả đó Đúng hay sai? Đáp án: Đúng 5. Tầm vóc của một sự nghiệp văn chương được xác định bởi một hoặc nhiều tác phẩm đạt đỉnh cao có giá trị nổi bật, đóng góp lớn vào lịch sử văn học dân tộc, nhân loại. Đúng hay sai? Đáp án: Đúng	**1. Tác giả văn học lớn** Tác giả văn học lớn là người sáng tác nên những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ có giá trị nổi bật, đáp ứng được nhu cầu thẩm mĩ của đông đảo độc giả, thúc đẩy sự phát triển của văn học, góp phần làm nên tầm vóc, bản sắc độc đáo của một nền văn học, một khuynh hướng, trào lưu hoặc thời đại văn học. **2. Phong cách nghệ thuật của nhà văn** - Phong cách nghệ thuật của nhà văn là hệ thống những nét độc đáo về nội dung và nghệ thuật xuất hiện thường xuyên, nhất quán trong mọi tác phẩm thuộc các chặng đường sáng tác khác nhau của tác giả, làm nên "khuôn mặt" tinh thần và đóng góp riêng của tác giả trong lịch sử văn học. - Các phương diện cơ bản thể hiện phong cách nghệ thuật của nhà văn: quan niệm về con người; cảm hứng sáng tác; việc lựa chọn, xử lí đề tài, xác định chủ đề, xác định đối tượng miêu tả – thể hiện chính; việc sử dụng các phương thức và phương tiện nghệ thuật; **3. Sự nghiệp văn chương** - Sự nghiệp văn chương của một tác giả là toàn bộ sáng tác văn học có giá trị của tác giả đó. - Tầm vóc của một sự nghiệp văn chương: + Thể hiện qua một hoặc nhiều tác phẩm đạt đỉnh cao có giá trị nổi bật, đóng góp lớn vào lịch sử văn học dân tộc, nhân loại. + Được xây đắp nên từ tài năng thiên bẩm, cá tính sáng tạo độc đáo; từ cảm quan sâu sắc về con người. cuộc sống và thời đại. - Sự nghiệp văn chương của một tác giả thường được đánh giá qua toàn bộ chặng đường sáng tác hay chỉ qua một vài giai đoạn có nhiều thành tựu nổi bật. Những biến động hay bước ngoặt trong việc đánh

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: - HS trao đổi, thảo luận theo cặp đôi, - GV gọi đại diện một số nhóm đôi trả lời; các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần) **Bước 3. Đánh giá, kết luận:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức	giá một sự nghiệp văn chương phụ thuộc vào việc phát hiện ra những giá trị thẩm mĩ từng khuất lấp của tác phẩm hay một phương diện nghệ thuật nào đó trong sáng tác của tác giả; vào những thay đổi trong thị hiếu, kinh nghiệm thẩm mĩ của độc giả và ý thức xã hội, thời đại.

HOẠT ĐỘNG 2.2. PHẦN 1. ĐỌC VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được ý nghĩa của việc đọc về một tác giả văn học
- HS lựa chọn được tác giả và có định hướng đọc rõ ràng.
- HS biết cách đọc về một tác giả văn học qua việc tìm kiếm tài liệu; ghi chép, tổng hợp các thông tin theo phiếu đọc.
- HS nhận biết được một số đặc điểm nổi bật về cuộc đời, sự nghiệp văn chương phong cách nghệ thuật của tác giả.
- HS biết xây dựng hồ sơ đọc để chuẩn bị viết, thuyết trình về một tác giả văn học.
- HS nuôi dưỡng hứng thú đọc và rèn luyện kĩ năng tự đọc, tự học.

b. Nội dung hoạt động:

- HS hoạt động cá nhân, kết hợp với nhóm đọc và thu thập thông tin, trả lời câu hỏi, hoan thành phiếu học tập
- GV hướng dẫn HS đọc SGK và trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Ý nghĩa của việc đọc về một tác giả văn học **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Theo em, việc đọc về một tác giả có ý nghĩa như thế nào? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ cá nhân - GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần) **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung **Bước 4. Đánh giá, kết luận:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức **2. Thực hành đọc**	**II. PHẦN I. ĐỌC VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC** **1. Ý nghĩa của việc đọc về một tác giả văn học** Việc đọc về một tác giả có nhiều ý nghĩa, cụ thể: - Hiểu sâu hơn về tác phẩm văn học. - Nắm được những điểm đặc biệt trong cuộc đời của tác giả. - Hiểu thêm nội dung và ý nghĩa các bài viết của các nhà phê bình, nghiên cứu, giới thiệu về tác giả. - Có thêm nhiều kiến thức khi đọc về tác giả – tác phẩm. - Nuôi dưỡng hứng thú và kĩ năng tự

2.1. Lựa chọn tác giả và định hướng đọc **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:** GV hướng dẫn HS lựa chọn tác giả bằng cách trả lời câu hỏi: Tác giả văn học được bạn lựa chọn là ai? Lí do lựa chọn của bạn là gì? **Nhiệm vụ 2:** HS xác định được hướng đọc rộng hoặc sâu về tác giả - Nếu HS chọn hướng đọc sâu: GV căn cứ vào năng lực và sở thích của cá nhân hoặc nhóm HS để giúp các em đi vào khám phá một nội dung nổi bật, tiêu biểu của tác giả, phù hợp và vừa sức với các điều kiện thực tế của HS - Nếu đọc rộng, GV cần giúp HS bao quát được các tác phẩm của tác giả sau đó phân loại hoặc chia nhóm để định hướng việc đọc **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh xác định lựa chọn của cá nhân - GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần) **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** HS ghi lại lựa chọn của bản thân trên giấy nhớ và dán lên bảng **Bước 4. Đánh giá, kết luận:** GV hướng dẫn HS có cùng lựa chọn tạo thành nhóm GV giúp HS định hướng đọc theo lựa chọn **2.2. Xây dựng hồ sơ về tác giả** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV hướng dẫn HS tiến hành tìm kiếm, thu thập các tài liệu có liên quan đến tác giả làm cơ sở cho việc đọc, tìm hiểu về tác giả; xây dựng được danh mục tài liệu đọc về tác giả. - GV cung cấp cho HS những nguồn tài liệu có thể tìm kiếm, thu thập; tổ chức cho HS tìm tài liệu ở thư viện hoặc trên	đọc và đọc suốt đời. **2. Thực hành đọc** **2.1. Lựa chọn tác giả và định hướng đọc** *** Lựa chọn tác giả:** - Một số tác giả tiêu biểu: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Hồ Xuân Hương, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nam Cao; Xuân Diệu, Nguyễn Huy Thiệp,… *** Định hướng đọc:** - Đọc sâu: + Nguyễn Du: Đọc sâu về *Truyện Kiều* hoặc khám phá mảng thơ chữ Hán. + Nguyễn Huy Thiệp: Đọc sâu về thể loại truyện ngắn hoặc khám phá mảng truyện ngắn về đề tài nông thôn hoặc miền núi. + Nam Cao: Đọc sâu về đề tài người nông dân hoặc người trí thức. + Xuân Diệu: Đọc về tư cách nhà thơ hoặc nhà phê bình văn học. - Đọc rộng: + Có thể chọn bất kì tác giả nào + Bao quát toàn diện về tác giả, tác phẩm **2.2. Xây dựng hồ sơ về tác giả** *** Tìm kiếm tài liệu về một số tác giả đã lựa chọn:** Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Hồ Xuân Hương, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nam Cao; Xuân Diệu, Nguyễn Huy Thiệp,… *** Lập danh mục tài liệu một số tác giả tiêu biểu mà HS đã lựa chọn** (Phụ lục 2) **2.3. Đọc, ghi chép và tổng hợp các thông tin cần thiết về một tác giả** - Những sản phẩm tương ứng thể hiện kết quả đọc của cá nhân/ nhóm. - Tham khảo một ví dụ về tiến trình và kết quả đọc về tác giả Nguyễn Huy

internet. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh làm việc cá nhân theo lựa chọn hoặc thảo luận theo nhóm cùng lựa chọn và hoàn thành việc lập danh mục tài liệu đọc về tác giả **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Học sinh chia sẻ và báo cáo phần tìm hiểu **Bước 4. Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, chốt kiến thức **2.3. Đọc, ghi chép và tổng hợp các thông tin cần thiết về tác giả** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS tiến hành tìm hiểu, đọc và ghi chép về tác giả theo tiến trình: a) Đọc và ghi chép thông tin về tiểu sử tác giả; (b) Đọc và ghi chép thông tin về tác phẩm của tác giả; c) Đọc và ghi chép những nghiên cứu, nhận định về tác giả; (d) Tổng hợp các nội dung đã đọc và ghi chép. Qua các bước đọc về tác giả, HS hoàn thành phiếu đọc **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** Hoạt động (a), (b), (c) có thể được tổ chức trong hoặc ngoài lớp học. GV khuyến khích HS đọc trên thư viện hoặc chọn không gian yên tĩnh để khơi gợi hứng thú đọc sách. Hoạt động (d) nên được tiến hành trên lớp để GV có thể theo dõi và hướng dẫn cụ thể đến từng cá nhân hoặc nhóm **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Học sinh chia sẻ và báo cáo phần tìm hiểu **Bước 4. Đánh giá, kết luận:** GV nhận xét, chốt kiến thức	Thiệp và một hướng chọn đọc tập trung vào mảng truyện ngắn về đề tài nông thôn, theo 4 bước (Phụ lục 3)

Tiết 4-7:

PHẦN 2. VIẾT VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua tổng hợp quá trình dạy **các kĩ năng Đọc - Viết - Nói - Nghe**

- Nắm được cấu trúc và cách triển khai riêng của kiểu bài viết về một tác giả văn học.
- Biết cách khai thác và sử dụng tư liệu trong việc viết bài giới thiệu một tác giả văn học.
- Làm rõ được những thành tựu nổi bật, những giá trị đặc sắc trong sự nghiệp văn chương của tác giả đó.
- Chọn được hướng viết phù hợp với mục tiêu cụ thể đã đề ra và khai thác được toàn bộ tư liệu đã chuẩn bị,
- Sử dụng ngôn từ phù hợp; diễn đạt mạch lạc, chuẩn mực.

2. Phẩm chất

Học sinh có thái độ trân trọng đối với những vẻ đẹp tâm hồn của thế hệ đi trước

II. Thiết bị và học liệu

1. Về phía học sinh: CĐHT Ngữ văn lớp 11 – SGK, hồ sơ tài liệu, tranh ảnh, bảng biểu, video clip liên quan đến bài học,…

2. Về phía giáo viên:

- Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung cho bài học.
- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.
- Tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí,…) liên quan đến CĐ 3, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi **Nối siêu tốc**

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Nối siêu tốc

1	Đại thi hào dân tộc		a	Nguyễn Tuân
2	Ông vua phóng sự đất Bắc		b	Nguyễn Du
3	Ông hoàng thơ tình Việt Nam		c	Hồ Xuân Hương
4	Bà chúa thơ Nôm		d	Tố Hữu
5	Lá cờ đầu của thơ ca Cách mạng Việt Nam		e	Xuân Diệu
6	Nhà luyện đan ngôn từ		f	Vũ Trọng Phụng

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên hướng dẫn HS thực hiện trò chơi **Nối siêu tốc** **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** GV chọn 3 đội chơi, mỗi đội 3 thành viên Học sinh trong đội suy nghĩ, bàn bạc và nối cột **Bước 3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh nối cột thể hiện hiểu biết về một số tác giả lớn trong nền văn học Việt Nam **Bước 4. Đánh giá, kết luận:** Đội nào nối nhanh hơn là đội chiến thắng Trong trường hợp các đội hòa nhau, GV đặt thêm câu hỏi phụ: Em có ấn tượng với nhà văn nào và thử đặt bút hiệu cho tác giả đó? HS đánh giá các đội, GV phân định thắng thua Giáo viên dẫn dắt vào bài học	**1-b:** Đại thi hào dân tộc - Nguyễn Du **2- f:** Ông vua phóng sự đất Bắc - Vũ Trọng Phụng **3- e:** Ông hoàng thơ tình Việt Nam - Xuân Diệu **4-c:** Bà chúa thơ Nôm - Hồ Xuân Hương **5-d:** Lá cờ đầu của thơ ca Cách mạng Việt Nam - Tố Hữu **6-a:** Nhà luyện đan ngôn từ - Nguyễn Tuân

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. HOẠT ĐỘNG 2.1: MỤC ĐÍCH VIẾT

a. Mục tiêu: Hoạt động này giúp HS hiểu được các mục đích viết khác nhau về một tác giả văn học, trên cơ sở đó, HS xác định được kiểu văn bản phải thực hiện

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu mục đích viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Câu hỏi: - Bạn lựa chọn hướng nào sau đây để viết về tác giả văn học? A. Giới thiệu, quảng bá B. Nghiên cứu văn học C. Thưởng thức, cảm nhận - Với lựa chọn trên bạn định hướng bài viết như thế nào? Hãy chia sẻ hồ sơ đọc của bạn với cả lớp - Với định hướng như trên, bạn hãy xác định dạng văn bản cho bài viết của mình. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3. Báo cáo thảo luận:** - GV gọi một số HS trả lời câu hỏi - HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Đánh giá, kết luận:** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản, bổ sung ý sau: - Sự khác nhau về mục đích và kiểu văn bản tạo lập có thể xuất phát từ yếu tố khách quan, đáp ứng các yêu cầu, GV đưa ra (chẳng hạn, về cùng một tác giả, GV có thể yêu cầu HS viết bài theo hướng nghị luận hoặc theo hướng cung cấp thông tin - Nguyên nhân: Do hứng thú và sự chọn lựa của chính HS trong quá trình đọc văn bản (có HS đọc và viết theo sự chi phối của tư duy logic, có HS đọc và viết theo kiểu lấy sự rung cảm làm điểm tựa).	**III. PHẦN II. VIẾT VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC** **1. Mục đích viết** *** Mục đích:** - Giới thiệu, quảng bá - Nghiên cứu văn học - Thưởng thức, cảm nhận *** Hướng khai thác tương ứng từng mục đích:** - Khi thiên về giới thiệu, quảng bá, bài viết cần nêu thông tin đầy đủ về tiểu sử, quá trình sáng tác, những thành tựu nổi bật trong sự nghiệp văn học của tác giả. Lúc này văn bản được tạo lập là văn bản thông tin. - Khi thiên về nghiên cứu văn học, bài viết thường trình bày những kết quả nghiên cứu về phong cách nghệ thuật hay những giá trị văn chương đặc sắc của tác giả được lịch sử văn học ghi nhận. Lúc này văn bản có nhiều yếu tố nghị luận. - Khi thiên về thưởng thức, cảm nhận, bài viết là sự bày tỏ những cảm xúc, rung động trải nghiệm của cá nhân về một hoặc một vài giá trị nổi bật nhất trong sự nghiệp văn học của tác giả, thể hiện rõ sự đồng điệu, tri âm của người viết. Lúc này, văn bản được tạo lập có nhiều yếu tố biểu cảm, có thể xếp vào loại văn bản văn học. *** Xác định dạng văn bản:** - Giới thiệu, quảng bá: văn bản thông tin. - Nghiên cứu văn học: văn bản có nhiều yếu tố nghị luận. - Thưởng thức, cảm nhận: văn bản được tạo lập có nhiều yếu tố biểu cảm, có thể xếp vào loại văn bản văn học.

2. HOẠT ĐỘNG 2.2: MỘT SỐ HƯỚNG VIẾT BÀI

a. Mục tiêu: Hoạt động này giúp HS hiểu rõ hơn về cách viết bài về một tác giả văn học theo ba hướng đã được giới thiệu trong CĐHT Ngữ văn lớp 11 – SGK, qua việc tìm hiểu các văn bản có đặc điểm gần với ba kiểu văn bản quen thuộc là văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học. Ở từng hướng, SGK đã nêu ra một số yêu cầu chung, cung cấp bài viết minh hoạ và nêu các yêu cầu đọc hiểu bài minh hoạ

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Học sinh có thể thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu các văn bản có đặc điểm gần với ba kiểu văn bản quen thuộc là văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học: HS đọc bài viết tham khảo và thực hiện các yêu cầu đọc hiểu văn bản tham khảo: **Nhóm1: Tìm hiểu văn bản 1: Tố Hữu – Nhà thơ cách mạng (Nguyễn Văn Long)** • HS cần chú ý các thẻ chỉ dẫn • Tìm hiểu văn bản bằng cách thảo luận theo các gợi ý: + Người viết đã khai thác thông tin gì trong bài viết? + Cách triển khai thông tin đã được tác giả thực hiện như thế nào? + Nhận xét những ý kiến đánh giá trong bài viết.	**2. Một số hướng viết bài** **2. 1. Giới thiệu về sự nghiệp văn học của một tác giả** **Tìm hiểu văn bản 1:** **Tố Hữu – Nhà thơ cách mạng (Nguyễn Văn Long)** *** Các thông tin khai thác:** – Tố Hữu được coi là cùng thế hệ với các cây bút nổi tiếng của phong trào Thơ mới như Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư,… – Tố Hữu làm thơ từ nhỏ (7 tuổi) và được cha mẹ vun đắp tài thơ. – Tố Hữu tham gia cách mạng từ rất sớm và đảm nhiệm nhiều trọng trách. – Tố Hữu đã sáng tác 7 tập thơ (*Từ ấy, Việt Bắc, Gió lộng, Ra trận, Máu và hoa, Một tiếng đờn, Ta với ta*). – Trước năm 1945, thơ Tố Hữu cũng là Thơ mới nhưng thể hiện nội dung cách mạng. – Sau năm 1945, thơ Tố Hữu luôn "có mặt" kịp thời và thể hiện cái nhìn khái quát về đời sống cách mạng Việt Nam. – Tố Hữu là một người lãnh đạo chủ chốt của văn nghệ cách mạng Việt Nam. – Thơ Tố Hữu có nhiều thành tựu, nhưng cũng có hạn chế. – Tố Hữu đã được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật. *** Cách triển khai thông tin đã được tác giả thực hiện như sau:** – Thiết lập hệ thống các nội dung thông tin chính: tiểu

+ Nêu đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng giới thiệu về sự nghiệp văn học của một tác giả. **Nhóm 2: Tìm hiểu văn bản 2: Nguyễn Tuân, một phong cách độc đáo và tài hoa (Nguyễn Đăng Mạnh)** • HS cần chú ý các thẻ chỉ dẫn • Tìm hiểu văn bản bằng cách thảo luận theo các gợi ý: + Tìm luận đề của bài viết + Đánh giá cách thức diễn giải, minh họa + Nêu đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học **Nhóm 3: Tìm hiểu văn bản 3: Hồ Xuân Hương - Kì nữ, kì tài (Trần Thị Trâm)** • HS cần chú ý các thẻ chỉ dẫn • Tìm hiểu văn bản bằng cách thảo luận theo các gợi ý: + Nêu một số điểm nổi bật trong cuộc đời nhà thơ mà người viết thực sự ấn tượng + Tìm những yếu tố ngôn ngữ biểu cảm trong bài viết + Anh/chị phác họa chân	sử, các vị trí xã hội mà Tố Hữu từng đảm nhận, các sáng tác trước năm 1945, các sáng tác sau năm 1945, hoạt động lãnh đạo văn nghệ, thành tựu và hạn chế trong các sáng tác. – Diễn giải cụ thể từng phần: liệt kê các thông tin đầy đủ, chính xác. – Nhận xét, đánh giá một cách khái quát, khách quan *** Những ý kiến đánh giá trong bài viết:** - Các ý kiến đánh giá: + "Thơ Tố Hữu nói chính trị, nói những vấn đề lớn của đất nước, của nhân dân mà vẫn mặn mà, say đắm." (Hoài Thanh) + "Tố Hữu là nhà thơ của tình cảm lớn, lẽ sống lớn, niềm vui lớn." (Nguyễn Đăng Mạnh) + "Tố Hữu là một nhà thơ có lí tưởng." (Chế Lan Viên) + "Tố Hữu đã đưa thơ chính trị lên đến trình độ là thơ rất đỗi trữ tình." (Xuân Diệu) - Ý kiến đánh giá trong bài viết khách quan và rõ ràng, chỉ ra được cả thành tựu và hạn chế của thơ Tố Hữu. *** Đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả:** – Trình bày được các thông tin về tiểu sử, quá trình hoạt động văn học, các thành tựu chính,… của tác giả. – Cung cấp thông tin cụ thể, đầy đủ, rõ ràng, chính xác. – Chỉ rõ những đóng góp của tác giả cho văn học Việt Nam. – Văn phong khoa học **2.2. Nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học** **Tìm hiểu văn bản 2:** **Nguyễn Tuân, một phong cách độc đáo và tài hoa (Nguyễn Đăng Mạnh)** *** Luận đề của bài viết: "**một phong cách độc đáo và tài hoa" đã được diễn giải là "thói quen nhìn sự vật ở mặt mĩ thuật" và "khảo cứu đến kì cùng" chính là nhận xét khái quát của tác giả bài viết về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân. *** Đánh giá cách thức diễn giải, minh họa:** – Thiết lập hệ thống luận điểm phong phú để làm rõ những biểu hiện về phong cách nghệ thuật của Nguyễn

dung Hồ Xuân Hương + Thảo luận về đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng dựng chân dung một tác giả văn học **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận theo nhóm, cử đại diện trình bày kết quả **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả **Bước 4. Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn hóa kiến thức	Tuân: + Lối viết khảo cứu kĩ lưỡng từ nhiều phương diện. + Chọn lựa những đối tượng đặc biệt (kì quan, kì nhân, kì sự,…). + Quan niệm thẩm mĩ: yêu thích vẻ đẹp xưa cũ. + Chú ý phát hiện chiều sâu lịch sử văn hoá của đối tượng. + Thường dùng thể loại tuỳ bút và tạo dấu ấn riêng (thông tin chính xác, bộc lộ cái tôi,…). + Ngôn ngữ đặc sắc (từ vựng phong phú, biện pháp tu từ độc đáo, cú pháp đa dạng,…). – Minh hoạ bằng những dẫn chứng phong phú, hấp dẫn được chắt lọc từ các chi tiết trong tác phẩm của Nguyễn Tuân cả trước và sau năm 1945, cả truyện và tùy bút (*Vang bóng một thời, Sông Đà, Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi,…*). – Văn phong khoa học, chính xác và tinh tế. Ví dụ: *Con người ấy đã yêu thì mê đắm, đã ghét thì phải căm thù, […] đã đi thì đi đến đầu sông ngọn nguồn, tới những nơi tột cùng của Tổ quốc […]. Đây là ca sĩ của những vẻ đẹp tinh khôi tuyệt đỉnh của tạo hoá, của sắc ngọc trai đáy biển, của bầu trời trong trên đỉnh núi Mèo, […]. Chữ nghĩa của Nguyễn Tuân chỉ phô hết màu sắc, góc cạnh khi ông tả những cổng trời Hà Giang khiến người thì long bánh chè, ngựa phải truỵ thai, khi tả gió, tả bão, khi ông diễn lại cảnh những ông lái đò vượt thác sông Đà như lao vào thạch trận,…* *** Đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học:** – Nhận xét khái quát về phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học. – Phân tích những biểu hiện của phong cách đó qua một số bình diện như: cách lựa chọn đề tài (nhân vật, sự kiện, sự việc,…); quan niệm thẩm mĩ; đối tượng, nhân vật; thể loại nổi bật; nghệ thuật sử dụng ngôn từ;… – Thể hiện cái nhìn bao quát của người viết về những giá trị nổi bật, xuyên suốt làm nên sức hấp dẫn trong

	phong cách nghệ thuật của tác giả. – Thể hiện quan điểm đánh giá khách quan với những bằng chứng phong phú, sát hợp. – Ngôn ngữ đảm bảo tính khoa học **2.3. Dựng chân dung một tác giả văn học** **Tìm hiểu văn bản 3:** **Hồ Xuân Hương - Kì nữ, kì tài (Trần Thị Trâm)** *** Cảm nghĩ riêng của người viết về một số điểm nổi bật trong cuộc đời nhà thơ:** – Thời đại Hồ Xuân Hương sống và làm thơ. – Bi kịch đời riêng và bi kịch thời đại. – Đặc điểm tính cách của Hồ Xuân Hương. – Những nét đặc sắc của thơ Hồ Xuân Hương (tiếng nói nữ giới, sức sống tuổi trẻ, tinh thần chống phong kiến,…) *** Những yếu tố ngôn ngữ biểu cảm trong bài viết:** – Cách đặt nhan đề biểu thị sự ngưỡng mộ: *kì nữ, kì tài*. – Gọi nhà thơ là "nàng". – Dùng cấu trúc trùng điệp và các hình ảnh gợi cảm để nhấn mạnh sự cảm thông, ngưỡng mộ: "Nàng thông minh, mẫn tiệp, [...] thì suốt đời mệnh bạc. Nàng ôm đàn mà vắng cả năm cung.";… – Dùng cấu trúc "Nếu chỉ thấy [...] là chưa thấy cái hồn Xuân Hương gửi gắm trong thơ." để biện giải, bênh vực. *** Chân dung Hồ Xuân Hương:** – Là một phụ nữ cá tính và bất hạnh. – Là một nhà thơ độc đáo: + Bày tỏ khát vọng sống của người phụ nữ; + Có ý thức cá nhân sâu sắc; + Thơ "tục mà không dâm"; + Kết hợp được tính dân gian và bác học *** Đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng dựng chân dung một tác giả văn học:** – Đây là cách giới thiệu tác giả theo cảm nhận cá nhân của người đọc. Người viết cần lựa chọn một vài điểm nổi bật trong cuộc đời và tác phẩm của tác giả để trình bày cảm nghĩ, nhận xét, diễn giải. – Bày tỏ ý kiến và cảm nghĩ cá nhân một cách khách

	quan. – Văn phong linh hoạt, biểu cảm. – Có thể sử dụng tranh, ảnh để minh hoạ.

2. HOẠT ĐỘNG 2.3: THỰC HÀNH VIẾT

a. Mục tiêu:

- Qua việc tìm hiểu ba văn bản thể hiện ba hướng viết bài về một tác giả văn học, HS có thể hiểu được cách triển khai những nội dung chính và đặc điểm văn phong của mỗi kiểu bài để từ đó thực hành viết.
- Hoạt động này yêu cầu HS tiến hành viết bài về một tác giả văn học đã được lựa chọn từ những phần trước và báo cáo sản phẩm trước nhóm, lớp.

b. Nội dung hoạt động:

- HS viết bài về một tác giả văn học theo một trong các hướng đã được lựa chọn.
- GV có thể tổ chức cho HS viết bài tại lớp hoặc ở nhà, có thể viết tay hoặc đánh máy.

c. Sản phẩm: Bài viết của cá nhân HS hoặc nhóm

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
- HS đọc, nghiên cứu các bước trong quy trình tạo lập văn bản đã được giới thiệu trong SGK CĐHT Ngữ văn lớp 11: Chuẩn bị (xem lại hồ sơ đọc để lựa chọn đề tài, hướng viết); Lập dàn ý; Viết; Chỉnh sửa, hoàn thiện.
- HS lựa chọn hướng viết và thực hành viết
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
- HS nghiên cứu quy trình và tiến hành viết
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
- GV gọi HS chia sẻ quy trình viết và lựa chọn hướng viết
- HS khác nghe, nhận xét,
</td><td>
3. Thực hành viết
3.1. Chuẩn bị
- Chọn tác giả và chọn hướng viết
- Xem lại hồ sơ đọc để hình dung tổng thể về tác giả đã lựa chọn:
+ Những thông tin về tiểu sử, quá trình sáng tác, thành tựu nổi bật của tác giả.
+ Những thông tin về giá trị đặc sắc của một hoặc một vài tác phẩm tiêu biểu.
+ Những cảm nhận của bạn về cuộc đời tác giả và tác phẩm.
- Lựa chọn hướng viết và hình dung về nội dung, cách thức triển khai.
3. 2. Lập dàn ý
3.2.1. Dạng bài viết theo hướng giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả
<table>
<tr><td>Mở bài:</td><td>Giới thiệu được tác giả, nhận xét chung về vị trí hoặc những thành tựu nổi bật của tác giả.</td></tr>
<tr><td>Thân bài:</td><td>- Trình bày những thông tin cơ bản, đáng chú ý nhất về cuộc đời, lưu ý những yếu tố ảnh hưởng lớn đến sáng tác của tác</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

bổ sung,… **Bước 4. Đánh giá, kết luận** GV gợi ý HS quy trình và cách thức triển khai bài viết theo sự lựa chọn của HS		giả: + Hoàn cảnh xuất thân (quê hương, gia đình, thời niên thiếu,..); + Quá trình học tập và trưởng thành; + Con đường đến với văn chương. + Đời sống xã hội và văn học.
		- Quá trình sáng tác: Trình bày những thông tin về các chặng đường sáng tác gắn với các tác phẩm theo từng thể loại.
		- Những thành tựu nổi bật: Các giải thưởng, sự tôn vinh của công chúng yêu văn học (trích dẫn ý kiến đánh giá của giới nghiên cứu về những tác phẩm tiêu biểu, về sự nghiệp văn chương,..
	Kết bài:	Khẳng định vai trò, vị trí của tác giả trong lịch sử văn học dân tộc, trong đời sống xã hội.
	3.2.2. Dạng bài viết theo hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học	
	Mở bài:	Giới thiệu tác giả, nêu nhận xét khái quát về phong cách nghệ thuật của tác giả.
	Thân bài:	- Trình bày tổng quan về phong cách nghệ thuật của tác giả – có trích dẫn một vài ý kiến tiêu biểu.
		- Nhận diện phong cách nghệ thuật của tác giả, nêu các bình diện, các biểu hiện.
		- Làm rõ phong cách nghệ thuật của tác giả (hoặc một bình diện nổi bật) qua việc phân tích một số bình diện (đề tài, hình tượng đặc trưng, kiểu

	nhân vật nổi bật, thể loại đặc thù, đặc điểm ngôn từ,...) hoặc qua việc phân tích một hay một số tác phẩm tiêu biểu (Ví dụ: Phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân qua tác phẩm *Chữ người tử tù/ Sông Đà*; Phong cách nghệ thuật Thạch Lam qua tác phẩm *Dưới bóng hoàng lan/ Gió lạnh đầu mùa Hai đứa trẻ*; Phong cách nghệ thuật Nam Cao qua tác phẩm *Chí Phèo/ Lão Hạc*,…).
Kết bài:	Khẳng định vị trí của tác giả trong thời kì văn học hoặc nền văn học Việt Nam.

3.2.3. Dạng bài viết theo hướng dựng chân dung một tác giả văn học

Mở bài:	Trình bày ấn tượng đậm nét nhất của người viết về cuộc đời và tác phẩm của tác giả.
Thân bài:	- Trình bày những cảm xúc, suy nghĩ, trải nghiệm của cá nhân người viết về những vấn đề liên quan đến cuộc đời, tác phẩm của tác giả, qua đó làm rõ những nét nổi bật nhất về nội dung nghệ thuật thể hiện qua các dẫn chứng tiêu biểu.
	- Trong khi trình bày, nên đan xen dẫn lời, dẫn ý của các nhà nghiên cứu phê bình có chuyên môn để có thông tin từ nhiều nguồn, tăng thêm sức thuyết phục cho bài viết.
	- Khi đánh giá về tác giả nên có những so sánh, liên tưởng giả định.

	Kết bài: Nói về những cảm xúc mà cuộc đời và tác phẩm của tác giả ấy đã mang lại hay những cảm nhận từ phía độc giả về sức hấp dẫn của tác giả. **3.3. Viết** - Chú ý khai thác, vận dụng tối đa những tư liệu thu thập được cũng như những ý nảy sinh trong quá trình đọc đã được ghi chép dưới hình thức phiếu. - Bài viết có thể do cá nhân hoặc nhóm học sinh thực hiện, viết ở lớp hay ở nhà tuỳ theo yêu cầu và điều kiện cụ thể. **3. 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện** - Kiểm tra độ chính xác của các trích dẫn. - Rà soát lại bài viết về phương diện mạch lạc và liên kết, có thể đảo hay sửa lại các phần. - Đảm bảo bài viết đúng chính tả và dùng từ, đặt câu chính xác.

2. HOẠT ĐỘNG 2.4: BÁO CÁO KẾT QUẢ

a. Mục tiêu:

Từ sản phẩm là bài thực hành viết về một tác giả văn học, HS trình bày, báo cáo sản phẩm trước nhóm, lớp, qua đó biết cách tự đánh giá được kết quả bài viết của bản thân và đánh giá được bài viết của bạn.

b. Nội dung hoạt động:

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả trước lớp, theo các nội dung và cách thức, tiêu chí đã được nêu ra ở CĐHT Ngữ văn lớp 11 – SGK. Hoặc GV có thể chấm bài và có nhận xét trước về bài viết của HS, sau đó tổ chức cho HS đánh giá đồng đẳng trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài viết của cá nhân HS hoặc nhóm

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS: + Đọc và góp ý theo nhóm + Báo cáo kết quả về bài viết của mình trước lớp (chọn mỗi dạng 01 bài tiêu biểu) - GV gợi ý về tiêu chí đánh giá bài viết giúp HS tự đánh giá để nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu trong bài viết của mình và học hỏi từ việc nhận xét, đánh giá bài viết của bạn theo	**4. Báo cáo kết quả** **4.1. Hình thức tổ chức** - Đọc và góp ý theo nhóm - Chọn bài tiêu biểu để đọc và trao đổi trước lớp **4. 2. Tiêu chí đánh giá bài viết** Phân loại cụ thể theo ba hướng: **4.2.1.** Bài viết theo hướng giới thiệu sự nghiệp văn học của một

các tiêu chí (Phụ lục 4,5,6) của từng dạng bài viết. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS chuẩn bị sản phẩm báo cáo trước lớp **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - GV chọn mỗi dạng 01 bài viết yêu cầu HS chia sẻ trước lớp và cho HS nhận xét, đánh giá theo tiêu chí của dạng bài - HS khác đánh giá bài viết theo tiêu chí của mỗi dạng bài đã được GV gợi ý. **Bước 4. Đánh giá, kết luận** GV nhận xét đánh giá bài viết của cá nhân hoặc nhóm thông qua việc báo cáo và đánh giá đồng đẳng của HS.	tác giả **(Phụ lục 4)** **4.2.2.** Bài viết theo hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học **(Phụ lục 5)** **4.2.3.** Bài viết theo hướng dựng chân dung một tác giả văn học **(Phụ lục 6)**

Tiết 8-10:

PHẦN 3. THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua tổng hợp quá trình dạy **các kĩ năng Đọc - Viết - Nói - Nghe**

- Học sinh biết thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học.
- Bài thuyết trình phải đáp ứng mục đích của hoạt động Nói và nghe và cần đảm bảo quy trình thực hành nói – nghe (chuẩn bị, trình bày, trao đổi, đánh giá).
- Bám sát nội dung và các bước thực hành đọc và viết, nhằm trình bày được những thông tin cơ bản, giúp người nghe hiểu về cuộc đời và sáng tác của tác giả văn học theo hướng tiếp cận riêng của cá nhân hoặc nhóm.
- Bài thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học cần có sức hấp dẫn, lôi cuốn, tác động tích cực đến người nghe.

2. Phẩm chất

Học sinh có thái độ trân trọng đối với những di sản văn học nghệ thuật quý báu mà ông cha ta truyền lại

II. Thiết bị và học liệu

1. Về phía học sinh: CĐHT Ngữ văn lớp 11 – SGK, hồ sơ tài liệu, tranh ảnh, bảng biểu, video clip liên quan đến bài học,…

2. Về phía giáo viên:

- Phiếu học tập để HS chuẩn bị nội dung cho bài học.
- Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.
- Tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí,…) liên quan đến CĐ 3, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi tiếp sức kể tên những tác giả văn học đã học hoặc đã đọc.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi tiếp sức ghi tên những tác giả văn học đã học hoặc đã đọc.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 3 đội chơi (mỗi đội 5 HS)
- Trong thời gian 2 phút, các đội chơi tiếp sức cho nhau lần lượt lên bảng ghi tên những tác giả văn học đã học hoặc đã đọc (Yêu cầu không trùng lặp)

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS các đội tham gia trò chơi tiếp sức trong thời gian quy định.
- Khi kết thúc thời gian, GV gọi HS khác không trực tiếp tham gia nhận xét, bổ sung

Bước 4. Đánh giá, kết luận

GV đánh giá kết quả của HS, đội nào ghi được nhiều tác giả đúng là đội chiến thắng; trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào phần học mới

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC)

a. Mục tiêu:

Giúp học sinh cách thức:

- Nói: Biết thuyết trình về một tác giả văn học.
- Nghe: Nắm bắt được nội dung truyết trình và quan điểm của người nói. Nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình. Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

- Nói nghe tương tác: Biết trao đổi, thảo luận về một tác giả văn học

b. Nội dung: HS nghiên cứu Phần 3. Tìm hiểu yêu cầu của hoạt động thuyết trình và cách tổ chức hoạt động thuyết trình

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Những lưu ý về yêu cầu của việc thuyết trình một tác giả văn học** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** Theo anh/chị, khi thuyết trình về một tác giả văn học cần lưu ý những yêu cầu nào? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc CĐHT và dựa vào trải nghiệm, thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ - GV hỗ trợ khi cần thiết **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** - Đại diện học sinh chia sẻ câu trả lời của mình - HS khác lắng nghe, phát biểu ý kiến nhận xét. **Bước 4. Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đánh giá, định hướng HS những yêu cầu cần đạt khi thuyết trình về một tác giả văn học.	*** Những lưu ý về yêu cầu của việc thuyết trình một tác giả văn học** - Bài thuyết trình phải đáp ứng mục đích của hoạt động Nói và nghe và cần đảm bảo quy trình thực hành nói – nghe (chuẩn bị, trình bày, trao đổi). - Bám sát nội dung và các bước thực hành đọc và viết, nhằm trình bày được những thông tin cơ bản, giúp người nghe hiểu về cuộc đời và sáng tác của tác giả văn học theo hướng tiếp cận riêng của cá nhân hoặc nhóm. - Bài thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học cần có sức hấp dẫn, lôi cuốn, tác động tích cực đến người nghe.
Cách tổ chức hoạt động thuyết trình và thực hành thuyết trình** * Cách 1: Thuyết trình cá nhân về một tác giả văn học** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** **GV:**	***Cách tổ chức hoạt động thuyết trình và thực hành thuyết trình** **** Cách 1: Thuyết trình cá nhân về một tác giả văn học** **1. Chuẩn bị** **a. Chuẩn bị bài thuyết trình theo hai phương án:** - Phương án 1: Tóm tắt bài viết ở phần 2 và chuyển bản tóm tắt đó thành đề cương bài thuyết trình. - Phương án 2: Tiến hành các bước đọc về tác giả

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
- Yêu cầu HS lựa chọn phương án, xây dựng được đề cương bài thuyết trình, chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ và có tâm thế chủ động để có thể thuyết trình trước thầy cô và các bạn. - HS trình bày được bài giới thiệu về một tác giả văn học và tiến hành trao đổi, thảo luận về bài trình bày theo hướng dẫn của GV. **- GV lưu ý:** + Với người nói, khi trình bày, HS cần chủ động, tự tin để triển khai các ý đã chuẩn bị trong đề cương, thể hiện những suy nghĩ và tâm đắc của cá nhân về một tác giả văn học đã lựa chọn. + Với người nghe, cần chú ý lắng nghe phần trình bày của bạn, ghi chép những ý chính và những câu hỏi cần đặt ra cho người nói. - GV có thể chuẩn bị phiếu nghe để hướng dẫn HS ghi chép khi nghe. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS có thể xây dựng đề cương bài thuyết trình dựa trên bài viết đã có từ hoạt động thực hành viết - GV khuyến khích các em chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ phong phú để bài thuyết trình hấp dẫn người nghe. **Bước 3. Báo cáo kết quả**	văn học chưa giới thiệu ở phần viết, lựa chọn hướng viết và lập đề cương cho bài thuyết trình. **b. Đề cương** *Mở đầu:* Giới thiệu vị trí của tác giả được chọn trong nền văn học Việt Nam. *Triển khai:* - Giới thiệu hoàn cảnh xuất thân, cuộc đời của tác giả được chọn - Giới thiệu về sự nghiệp văn học của tác giả đó qua từng giai đoạn - Giới thiệu phong cách sáng tác - Giới thiệu những nét nổi bật trong sáng tác của nhà văn *Kết thúc:* Khẳng định lại vị trí của tác giả trong nền văn học Việt Nam **c. Ghi chú cách trình bày, thời gian dành cho từng phần** **d. Chuẩn bị và kiểm tra thiết bị trình chiếu, slide, các video clip, thiết bị âm thanh (nếu có)** **2. Trình bày bài giới thiệu** *Mở đầu:* - Giới thiệu ngắn gọn về bản thân (tên, lớp, trường,…) - Giới thiệu tác giả văn học và mục đích của việc trình bày, giới thiệu về tác giả đó. *Triển khai:* - Dựa vào đề cương đã chuẩn bị hoặc các slide trình chiếu, lần lượt trình bày từng ý về cuộc đời, sự nghiệp, đóng góp của tác giả theo hướng đã lựa chọn. Nhấn mạnh trọng tâm của vấn đề, thuyết trình rõ ràng; diễn giải, phân tích dẫn chứng ở những chỗ cần làm sáng tỏ. - Nếu có video clip trình chiếu xen kẽ, cần làm rõ sự kết nối giữa bài giới thiệu và hình ảnh. - Khi trình bày, thường xuyên tương tác với người nghe: tuỳ thái độ, phản ứng của người nghe mà điều chỉnh, bổ sung những thông tin cần thiết. Tuyệt đối tránh tình trạng đọc bài viết soạn sẵn. *Kết thúc:* Khẳng định lại vị trí của tác giả văn học

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>- GV mời một số HS thuyết trình trước thầy cô và các bạn.
- HS khác lắng nghe, ghi chép theo phiếu nghe và tiến hành thảo luận theo hướng dẫn của GV.
Bước 4. Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, đánh giá về nội dung thuyết trình (lựa chọn đánh giá cả người thuyết trình và người nghe) theo phiếu đánh giá.</td>
<td>và sự cần thiết của việc nắm được các thông tin cơ bản về tác giả nhằm nâng cao chất lượng học tập môn Ngữ văn.

PHIẾU NGHE
Họ và tên người thuyết trình:…….
Tác giả văn học được lựa chọn:…….
Họ và tên người nghe:……
Nội dung nghe:
- Những ý chính về tác giả văn học được người nói trình bày:…….
- Những nội dung cần hỏi, trao đổi thêm:……
- Ấn tượng, nhận xét về bài thuyết trình:……
+ Về nội dung:……
+ Về cách trình bày:……

3. Đánh giá kết quả thuyết trình
Phiếu đánh giá người thuyết trình
<table>
<tr><th colspan="2" rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="3">Mức độ</th></tr>
<tr><th>Tốt</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr>
<tr><td rowspan="4">Nội dung bài thuyết trình</td><td>Thể hiện mục đích giới thiệu về một tác giả văn học.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Giới thiệu những thông tin chung về tác giả.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Giới thiệu những nội dung nổi bật về tác phẩm của tác giả.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Đánh giá về vị trí, đóng góp của tác giả trong nền văn học nước nhà.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td></td><td>
<table>
<tr><td rowspan="3">Cách trình bày</td><td>Phong thái chủ động, tự tin.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Tương tác với người nghe.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
Phiếu đánh giá người nghe
<table>
<tr><td rowspan="2">Nội dung đánh giá</td><td colspan="3">Mức độ</td></tr>
<tr><td>Tốt</td><td>Đạt</td><td>Chưa đạt</td></tr>
<tr><td>Thể hiện sự quan tâm với phần trình bày của người thuyết trình.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Ghi chép được những ý chính trong bài trình bày của người thuyết trình.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Đặt ra được những câu hỏi hoặc nêu được những nhận xét về bài thuyết trình.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Chia sẻ những ý kiến với người nói bằng thái độ đối thoại tôn trọng.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Tương tác với người nói trong quá trình nghe.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>** Cách 2: Tổ chức diễn đàn giới thiệu về một tác giả văn học
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV gợi ý lựa chọn tác giả, chuẩn bị kế hoạch tổ chức diễn đàn:
- Thành lập ban tổ chức diễn đàn, thành phần gồm: đại diện Ban Giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn, GV dạy môn Ngữ văn và một số HS nòng cốt. Ban tổ chức diễn đàn thống nhất mục tiêu, nội dung, cách tiến hành hoạt</td><td>** Cách 2: Tổ chức diễn đàn giới thiệu về một tác giả văn học
1. Chuẩn bị
Chủ đề diễn đàn: NGUYỄN HUY THIỆP – "NHƯ NHỮNG NGỌN GIÓ"
a. Mục tiêu:
- Tìm hiểu và chia sẻ ý kiến, quan điểm của cá nhân hoặc nhóm về những điểm nổi bật trong cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả Nguyễn Huy Thiệp.
- Phát triển kĩ năng thuyết trình cá nhân và kĩ năng giao tiếp, hợp tác nhóm thông qua các hoạt động tổ chức diễn đàn
b. Đối tượng và quy mô
- Toàn khối 11.
- Các thầy/ cô giáo giảng dạy môn Ngữ văn, chuyên</td></tr>
</table>

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
động và thời gian, địa điểm tổ chức diễn đàn. - Thành lập ban tham vấn: có thể mời một GV giỏi dạy môn Ngữ văn; một chuyên gia nghiên cứu hoặc có hiểu biết về tác giả Nguyễn Huy Thiệp. - Ban tổ chức thông báo về mục tiêu, nội dung, thời gian và địa điểm tổ chức diễn đàn để HS chuẩn bị các ý kiến trình bày, trao đổi trong diễn đàn; sau đó có thể định hướng về một số nội dung có liên quan đến chủ đề của diễn đàn. Gợi ý: *+ Những đặc điểm nào trong cuộc đời Nguyễn Huy Thiệp có liên quan đến sáng tác của ông?* *+ Tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp bao gồm những mảng đề tài nào? Mảng đề tài hoặc tác phẩm nào bạn tâm đắc nhất?* *+ Phong cách sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp có gì nổi bật? Đâu là điểm độc đáo trong văn chương của ông?* *+ Nguyễn Huy Thiệp có những đóng góp gì đối với văn học Việt Nam hiện đại?* - HS các lớp trao đổi, phân công chuẩn bị và đăng kí nội dung trình bày trong diễn đàn. Có thể giao cho một cá nhân nòng cốt hoặc một nhóm HS chuẩn bị có thể	gia, HS lớp 11. **c. Điều kiện tổ chức** - Hội trường đủ rộng phù hợp với số lượng đối tượng tham gia diễn đàn. - Micrô và loa đài; ghế ngồi cho khách mời, ban tham vấn. - Những nội dung, câu hỏi thu thập được trước diễn đàn. - Một vài hình ảnh về tác giả Nguyễn Huy Thiệp, băng rôn. **2. Tổ chức diễn đàn** - Mở đầu: + Ổn định tổ chức, đón tiếp đại biểu. + Người dẫn CT tuyên bố lí do tổ chức diễn đàn và giới thiệu đại biểu. + Người dẫn CT giới thiệu chủ đề của diễn đàn, mục tiêu, CT diễn đàn, khách mời, người thuyết trình, các thành phần tham gia khác. + Văn nghệ chào mừng (nếu có). - Nội dung: + Dẫn CT giới thiệu nội dung trình bày và người thuyết trình. + HS thuyết trình vấn đề đã chuẩn bị về tác giả Nguyễn Huy Thiệp. + Người thuyết trình có thể giải đáp nhanh gọn một số câu hỏi do người nghe nêu lên. Dẫn CT kết nối người thuyết trình với cử toạ để hỏi, trao đổi về một số khía cạnh liên quan đến tác giả và vấn đề vừa được trình bày. + Dẫn CT mời tổ tham vấn cho ý kiến về các vấn đề mà HS đã trao đổi (có thể trình bày tiếp các nội dung đã được chuẩn bị về Nguyễn Huy Thiệp, tiến trình thực hiện tương tự nội dung thứ nhất). - Bế mạc: Dẫn CT kết thúc diễn đàn bằng việc khẳng định vị trí của tác giả Nguyễn Huy Thiệp, gắn với chủ đề diễn đàn, nêu một thông điệp hoặc bài học rút ra từ nội dung trao đổi tại diễn đàn. **3. Đánh giá kết quả diễn đàn** **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ** | **MỨ**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
chuẩn bị thêm những tranh ảnh, phương tiện hỗ trợ bài trình bày. Trong quá trình HS chuẩn bị, GV cần quan tâm, giúp đỡ để bổ sung, điều chỉnh nội dung diễn đàn cho hoàn thiện hơn. - Ban tổ chức diễn đàn tập hợp, thu thập nội dung đăng kí của các lớp, dự kiến trước những vấn đề sẽ trao đổi và mời chuyên gia tham vấn cho diễn đàn. Ban tổ chức diễn đàn kiểm tra việc chuẩn bị các phương tiện và điều kiện tổ chức khác. Gửi giấy mời đến tổ tham vấn và khách mời. Cử một hoặc hai HS dẫn CT. - Có thể chuẩn bị một số tiết mục văn nghệ chào mừng và tạo không khí cho diễn đàn. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Tổ chức diễn đàn **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS tham gia diễn đàn trao đổi về tác giả văn học đã lựa chọn **Bước 4. Đánh giá, kết luận** - GV kết hợp đánh giá sự tham gia của HS trong mỗi hoạt động, đặc biệt khích lệ để các em nhận thức được việc tổ chức diễn đàn là một hoạt động cần thiết khi HS lựa chọn CĐ Ngữ văn theo định hướng nghề nghiệp. Có thể đánh giá việc tổ chức	

	Tốt	Đạ
Chọn được một tác giả văn học và xây dựng được chủ đề diễn đàn.		
Xây dựng được kế hoạch kịch bản tổ chức diễn đàn.		
Thực hiện các hoạt động chuẩn bị: thành lập được ban tổ chức, ban tham vấn, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, chuẩn bị cơ sở vật chất,...		
Người dẫn CT điều khiển và kết nối được các hoạt động của CT diễn đàn.		
Người thuyết trình trình bày được vẫn đề hấp dẫn, có sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ.		
Có sự tương tác giữa người thuyết trình, người nghe và ban tham vấn trong quá trình giao lưu, trao đổi, thảo luận.		
Không khí diễn đàn cởi mở, hợp tác.		
Rút ra được thông điệp của diễn đàn.		

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
diễn đàn theo phiếu đánh giá.	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Luyện tập củng cố nội dung bài học

b. Nội dung:

- HS hoạt động cá nhân và kết hợp làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu học sinh: Xây dựng kế hoạch đọc – tìm hiểu về một tác giả (tự chọn) có tác phẩm được học trong chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn (từ lớp 10 đến lớp 11).
- HS hoàn thành bài tập.
- Chia sẻ kết quả với cả lớp.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (ở nhà)

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ trước lớp kết quả làm việc
- HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.

Bước 4. Đánh giá, kết luận

GV gợi ý, nhận xét, đánh giá kết quả của HS

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu**: Khích lệ tinh thần tự học của HS

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS vận dụng kiến thức, kĩ năng hoàn thành 3 bài tập mở rộng

c. Sản phẩm: Bài tập đã hoàn thành của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Sưu tầm những bài viết hay về tác giả văn học. 2. Trong các bài viết bạn sưu tầm được, hãy xác định và tìm hiểu việc tác giả đã triển khai cách viết theo hướng nào? 3. Viết bài giới thiệu về một tác giả (tự chọn) theo một trong các hướng triển khai khác nhau. **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc cá nhân ở nhà **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**	Bài tập của cá nhân HS hoàn thành theo yêu cầu.

- HS báo cáo kết quả trên lớp buổi sau. **Bước 4. Đánh giá, kết luận** - HS nhận xét, bổ sung chéo cho nhau theo tiến trình hoạt động. - GV nhận xét, kết luận.	

Phụ lục:

Phụ lục 1. Ong tìm chữ (tìm tên các giả văn học)

B	C	N	O	N	G	U	Y	Ê	N	T	R	A	I	C	P
G	I	G	O	G	G	N	G	A	B	E	Đ	B	K	M	O
H	H	U	B	U	E	U	O	H	Q	K	R	E	R	S	K
Ô	K	Y	E	G	Đ	H	Y	U	A	O	T	U	O	T	O
C	Đ	Ê	B	H	I	L	I	Ê	M	K	Ô	B	U	N	Q
H	L	N	Q	S	N	U	B	O	N	E	H	E	T	N	O
I	A	T	H	M	H	N	I	D	A	D	Ư	U	Đ	P	I
M	Đ	U	I	A	Đ	O	E	M	M	V	U	O	I	N	N
I	B	Â	B	N	R	I	M	I	C	O	V	C	B	H	B
N	D	N	I	H	S	T	B	K	A	B	I	D	I	B	N
H	S	R	O	P	A	D	A	H	O	X	S	E	M	Â	Q
P	Q	B	B	I	G	M	Q	G	A	E	A	T	C	U	M
H	Ô	X	U	Â	N	H	Ư	Ơ	N	G	O	Y	H	S	C
D	S	K	X	U	Â	N	D	I	Ê	U	U	M	R	E	U
Q	D	A	S	O	B	I	R	E	B	H	P	B	Đ	A	P
N	G	U	Y	Ê	N	H	U	Y	T	H	I	Ê	P	I	C

Phụ lục 2. Lập danh mục tài liệu tác giả tiêu biểu mà HS đã lựa chọn

VÍ DỤ: TƯ LIỆU VỀ NAM CAO

Sinh	**Trần Hữu Tri** 29 tháng 10, 1915 hoặc 1917 Hà Nam, Liên bang Đông Dương
Mất	30 tháng 11, 1951 (36 tuổi) hoặc (34 tuổi) Ninh Bình, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
Bút danh	Nam Cao, Thúy Rư, Xuân Du, Nguyệt
Nghề nghiệp	Nhà văn, nhà báo, nhà thơ, phóng viên
Giai đoạn sáng tác	1935-1951
Thể loại	Truyện ngắn, Tiểu thuyết, phóng sự
Trào lưu	Chủ nghĩa hiện thực

Tác phẩm nổi bật	Kịch: Đóng góp Tiểu thuyết: Truyện người hàng xóm, Sống mòn Truyện ngắn: Chí Phèo, Lão Hạc, Đôi mắt
Giải thưởng nổi bật	Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật
Danh mục tài liệu	1. Thái An: Lão Bá Kiến thật là cao tay, Báo Giáo dục và thời đại 5-10-1992. 2. Vũ Tuấn Anh: Phong cách truyện ngắn Nam Cao, Báo Quân đội nhân dân thứ bảy, số 76, 1991. 3. Lại Nguyên Ân: Nam Cao và cuộc canh tân văn học đầu thế kỉ XX, Tạp chí Văn học số 1, 1992. 4. Trần Ngọc Dung: Gặp gỡ giữa Gioócki và Nam Cao, trong nghĩ tiếp về Nam Cao, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội 1992. 5. Đinh Trí Dũng: Bi kịch tự ý thức-Nét độc đáo trong cảm hứng nhân đạo cúa Nam Cao, Nxb Nxb Hội nhà văn, Hà Nội 1992. 6. Phạm Huy Dũng: Bàn thêm về ý nghĩa thẩm mỹ của cái gọi là yếu tố tự nhiên *chủ nghĩa trong tác phẩm Nam Cao, trong Nghĩ tiếp về Nam Cao, Nxb* Hội nhà văn, Hà Nội 1992. 7. Nguyễn Đức Đàn: Đặc điểm của văn học hiện thực phê phán Việt Nam, Nxb Văn học, Hà Nội 1964. 8. Nguyễn Đức Đàn: Nam Cao trong mấy vấn đề văn học hiện thực phê phán Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1968

Phụ lục 3. Tiến trình và kết quả đọc về tác giả Nguyễn Huy Thiệp và một hướng chọn đọc tập trung vào mảng truyện ngắn về đề tài nông thôn, theo 4 bước

	Năm	**Sự kiện**
Tóm tắt tiểu sử tác giả Nguyễn Huy Thiệp	1950	Sinh ra tại tỉnh Thái Nguyên, quê ở huyện Thanh Trì, Hà Nội.
	1960	Gia đình chuyển về Hà Nội định cư ở xóm Cò, thôn Khương Hạ, xã Khương Đình, huyện Thanh Trì (nay là phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân), Hà Nội
	1970	Tốt nghiệp khoa Sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
	1980-1992	Chuyển về làm việc tại Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau đó làm việc tại Công ti Kĩ thuật trắc địa bản đồ, Cục Bản đồ.
	1986	Bắt đầu nổi tiếng với một số truyện in trên Tuần báo Văn nghệ *(Muối của rừng, Nàng Sinh, Cô Mỵ, Vết*

		trượt) khi đã 36 tuổi.
	1987	Tác phẩm *Tướng về hưu* đánh dấu vị trí của Nguyễn Huy Thiệp trên văn đàn văn học Việt Nam.
	1985-2000	Một loạt truyện ngắn tiêu biểu viết về đề tài nông thôn, miền núi, thành thị ra đời *(Chảy đi sông ơi, Những bài học nông thôn, Những ngọn gió Hua Tát, Những người thợ xẻ, Không có vua,…)*
	2006-2008	Các giải thưởng: Giải thưởng Hội Nhà văn Hà Nội cho tiểu luận văn chương *Giăng lưới bắt chim* (2006); Huân chương Văn học Nghệ thuật Pháp (2007); Giải thưởng Premio Nonino, (I-ta-li-a – Italy, 2008)
	2021	Mất tại nhà riêng ở phố Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, Hà Nội
	2022	Được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật
Các tác phẩm viết về đề tài nông thôn của Nguyễn Huy Thiệp	*Chảy đi sông ơi* (1985); *Những bài học nông thôn* (1988); *Thương nhớ đồng quê* (1992); *Chăn trâu cắt cỏ* (1996); *Chú Hoạt tôi* (2001);…	
Ghi chép về tác phẩm *Chảy đi sông ơi*	– Đề tài: Cuộc sống của những con người đánh cá trên sông nước. – Cốt truyện: Nhân vật "tôi" trong một lần được nghe câu chuyện truyền thuyết huyễn hoặc về con trâu đen ở khúc sông nên đã xin đi theo những người đánh cá đêm nhưng gặp toàn ông chủ thuyền ghê gớm, đáng sợ. Có lần khi đang tranh giành luồng cá, nhân vật "tôi" đã bị hất xuống sông và được một người phụ nữ cứu. Sau một thời gian làm trên thành phố, nhân vật tôi về lại bến sông xưa thì được tin người phụ nữ cứu mình năm xưa bị chết đuối mà không được ai cứu, điều này đã để lại nhiều cảm xúc và ám ảnh trong lòng nhân vật. – Tình huống truyện: Nhân vật "tôi" đã xin đi theo thuyền đánh cá với ước mong được nhìn thấy con trâu đen trong truyền thuyết. – Thời gian và không gian truyện: Chủ yếu là buổi đêm trên những con thuyền đánh cá chật chội, tăm tối, – Nhân vật: Những con người bặm trợn với những câu chuyện nửa thực nửa hư ghê rợn, nhưng cũng có những con người nhân hậu hiểu đời, hiểu người và làm việc cao đẹp như chị Thắm. – Ngôi kể: Ngôi kể thứ nhất, nhân vật xưng "tôi", người chứng kiến và trải nghiệm nhiều cung bậc của cuộc sống.	

	– Nghệ thuật nổi bật: Xây dựng hình ảnh biểu tượng, dòng sông như dòng đời luôn trôi chảy, mang theo hết thảy những vui buồn. Nhưng có những điều vẫn luôn ở lại, ám ảnh, day dứt như khát khao kiếm tìm con trâu đen trong kí ức tuổi thơ của nhân vật "tôi". – Những câu văn tiêu biểu: *+ Chảy đi sông ơi/ Băn khoăn làm gì?/ Rồi sông đãi hết/ Anh hùng còn chi?;…* *+ Con sông tựa như giật mình phút chốc sau đó lại lặng im trôi, giống như một người hiểu biết tất cả nhưng đang mải mê suy nghĩ, chẳng cần mà cũng chẳng thèm biết đến xung quanh chộn rộn những gì.* *+ Đừng trách họ thế – người phụ nữ an ủi tôi, giọng nói ngân nga như hát – có ai yêu thương họ đâu… Họ đói mà ngu muội lắm...*
Nghiên cứu, nhận định về tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp	*– Nguyễn Huy Thiệp đã làm một cuộc cách mạng trong tư duy nghệ thuật, những tác phẩm của ông mang lại cho người đọc một cảm giác vừa thân quen, vừa lạ lẫm, vừa truyền thống, vừa hiện đại. Ta có thể vừa đọc, vừa nhận ra một Nguyễn Huy Thiệp vừa cá tính, vừa phóng khoáng trong những truyện ngắn đọc rất tự nhiên của ông.* (Trần Quỳnh Nga –*baohatinh.vn*) *– Chị Thắm trong "Chảy đi sông ơi" cứu không biết bao nhiêu người chết đuối, khi nghe chú bé trách bọn đánh cá đêm độc ác, chị nói với em: "Đừng trách họ thế […] có ai yêu thương họ đâu…". Đó là tấm lòng bao dung sẵn sàng mở ra thông cảm với mọi người, kể cả kẻ ác.* (Hồ Tấn Nguyên Minh – *vanhocsaigon.vn*)
Tổng hợp các nội dung đã đọc về Nguyễn Huy Thiệp (hướng đọc về đề tài nông thôn)	**Phiếu đọc về tác giả: Nguyễn Huy Thiệp**
	1. Khái quát về tiểu sử và đặc điểm con người của tác giả – Tiểu sử: tóm tắt theo bảng trên. – Đặc điểm con người: từng có nhiều thời gian lưu lạc khắp các vùng quê Bắc Bộ nên rất hiểu về đời sống nông thôn Việt Nam, đặc biệt là miền Bắc. 2. Những tác phẩm tiêu biểu của tác giả về đề tài nông thôn Ghi tên 5 tác phẩm và tóm tắt nội dung đọc về 5 tác phẩm nổi tiếng của tác giả (có thể chọn đọc sâu 2 – 3 tác phẩm). 3. Những vấn đề nổi bật về đề tài nông thôn được đề cập đến trong sáng tác của tác giả – Làng quê nghèo, xác xơ và số phận những người dân quê chân lấm tay bùn (phụ nữ, trẻ em, trai làng); những con người lam lũ, sống buồn tẻ, nhàm chán, an phận. – Không gian sống của làng quê: thiên nhiên nguyên sơ, thanh bình;

	môi trường tự nhiên đang bị huỷ hoại. – Các giá trị văn hoá của làng quê: đặc trưng văn hoá làng xã; sự biến đổi các giá trị văn hoá truyền thống trong xã hội nhiều biến động. 4. Phân tích một số vấn đề nổi bật trong sáng tác về đề tài nông thôn của tác giả Chọn 1, 2 vấn đề nêu trên (mục 3) để phân tích, minh hoạ bằng một số tác phẩm đã đọc. 5. Đánh giá chung về những giá trị đặc sắc của tác giả về đề tài nông thôn Qua những trang viết về nông thôn, Nguyễn Huy Thiệp đã thể hiện một số nét đặc sắc trong cảm hứng và nghệ thuật như sau: – Xót thương và trăn trở về một nông thôn đang dần thay đổi, đặc biệt là sự phai nhạt dần các đặc trưng văn hoá làng xã. – Khẳng định chất thơ và những giá trị vật chất và tinh thần của một nông thôn Việt Nam vẫn luôn tiềm ẩn, bền vững. – Tái hiện một bức tranh nông thôn vừa gần gũi, chân thực vừa ma mị, ám ảnh, những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng. 6. Ý nghĩa các sáng tác của tác giả trong bối cảnh hiện nay Khẳng định vẻ đẹp và những giá trị vĩnh hằng của nông thôn Việt Nam

Phụ lục 4. Tiêu chí nhận xét, đánh giá bài viết theo hướng giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ	
		Đạt	Chưa đạt
1	Trình bày được những thông tin cơ bản về cuộc đời, quá trình sáng tác và thành tựu sáng tác nổi bật của tác giả.		
2	Đảm bảo tính xác thực của thông tin với những ghi chú tường tận về thời gian, không gian và các số liệu, dẫn chứng có tính tổng hợp, khái quát.		
3	Chọn được hình thức triển khai thông tin hợp lí, làm nổi bật các điều kiện tạo nên thành tựu sáng tác của tác giả, giúp người đọc văn bản có được sự hình dung toàn vẹn về một sự nghiệp văn học.		
4	Tổ chức bài viết thành các phần hợp lệ đảm bảo mạch lạc, liên kết trong từng đoạn văn và cả văn bản.		
5	Sử dụng từ ngữ chính xác; diễn đạt chuẩn mực, trong sáng; viết đúng chính tả.		
6	Phối hợp linh hoạt phương tiện ngôn ngữ và phương		

	tiện phi ngôn ngữ.		

Phụ lục 5. Tiêu chí nhận xét, đánh giá bài viết theo hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật của một tác giả văn học

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ	
1	Giới thiệu được những thông tin cơ bản của tác giả và việc nghiên cứu về phong cách nghệ thuật của tác giả.	**Đạt**	**Chưa đạt**
2	Xác định được phạm vi nghiên cứu về phong cách nghệ thuật của tác giả (nghiên cứu toàn diện hay chỉ một phương diện, một thể loại, một giai đoạn sáng tác tiêu biểu).		
3	Triển khai nội dung văn bản hợp lí, nêu được những luận điểm khái quát về các đặc điểm phong cách nghệ thuật của tác giả.		
4	Làm sáng tỏ được từng đặc điểm trong phong cách nghệ thuật của tác giả thông qua những bằng chứng cụ thể, có tính thuyết phục.		
5	Tổ chức bài viết thành các phân hợp lí; đảm bảo mạch lạc, liên kết trong từng đoạn văn và cả văn bản.		
6	Sử dụng từ ngữ chính xác; diễn đạt chuẩn mực, trong sáng; viết đúng chính tả; thực hiện việc trích dẫn đúng quy cách, đảm bảo tính khoa học.		

Phụ lục 6. Tiêu chí nhận xét, đánh giá bài viết theo hướng dựng chân dung một tác giả văn học

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ	
		Đạt	**Chưa đạt**
1	Nêu được những thông tin khái quát về tác giả một cách sinh động, giàu tính nghệ thuật.		
2	Bộc lộ được những cảm xúc, suy nghĩ và trải nghiệm cá nhân về tác giả.		
3	Nêu được những nét đặc sắc trong sáng tác của tác giả thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa văn và đời.		
4	Biết mở rộng liên hệ, so sánh nhằm làm rõ dấu ấn của tác giả trong đời sống văn học.		
5	Tổ chức nội dung bài viết linh hoạt, vừa đảm bảo logic, vừa truyền dẫn cảm xúc, đưa đến cho người đọc những ấn tượng sâu đậm về tác giả.		
6	Sử dụng từ ngữ chính xác; viết đúng chính tả; diễn đạt chuẩn mực, linh hoạt, giàu hình ảnh, giàu sắc thái biểu		

	cảm.		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

1. HS hoàn thành các bài tập luyện tập và vận dụng đã chuyển giao.
2. Sưu tầm, đọc thêm các bài viết hay về tác giả và xác định hướng triển khai.